BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1277 /BGDĐT-QLCL V/v hướng dẫn tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2024	*Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2024*

Kính gửi:

- Các Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Nhà trường - Bộ Quốc phòng.

Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2024 (gọi tắt là Kỳ thi) được thực hiện theo Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) ban hành kèm theo Thông tư số 15/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 05/2021/TT-BGDĐT ngày 12/3/2021, Thông tư số 06/2023/TT-BGDĐT ngày 24/03/2023 và Thông tư số 02/2024/TT-BGDĐT ngày 06/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (gọi tắt là Quy chế thi).

Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) hướng dẫn các Sở GDĐT, Cục Nhà trường - Bộ Quốc phòng (gọi chung là các Sở GDĐT) một số nội dung sau:

I. Lịch thi và Kế hoạch chuẩn bị, tổ chức Kỳ thi

1. Lịch thi:

Ngày	Buổi	Bài thi/Môn thi thành phần của bài thi tổ hợp		Thời gian làm bài	Giờ phát đề thi cho thí sinh	Giờ bắt đầu làm bài
26/6/2024	SÁNG	08 giờ 00: Họp cán bộ làm công tác coi thi tại Điểm thi.				
	CHIỀU	14 giờ 00: Thí sinh làm thủ tục dự thi tại phòng thi, đính chính sai sót (nếu có) và nghe phổ biến Quy chế thi, Lịch thi.				
27/6/2024	SÁNG	Ngữ văn		120 phút	**07 giờ 30**	**07 giờ 35**
	CHIỀU	Toán		90 phút	**14 giờ 20**	**14 giờ 30**
28/6/2024	SÁNG	Bài thi KHTN	Vật lí	50 phút	**07 giờ 30**	**07 giờ 35**
			Hóa học	50 phút	**08 giờ 30**	**08 giờ 35**
			Sinh học	50 phút	**09 giờ 30**	**09 giờ 35**
		Bài thi KHXH	Lịch sử	50 phút	**07 giờ 30**	**07 giờ 35**
			Địa lí	50 phút	**08 giờ 30**	**08 giờ 35**
			Giáo dục công dân	50 phút	**09 giờ 30**	**09 giờ 35**
	CHIỀU	Ngoại ngữ		60 phút	**14 giờ 20**	**14 giờ 30**
29/6/2024		Dự phòng				

2. Kế hoạch chuẩn bị, tổ chức Kỳ thi: thực hiện theo Phụ lục I.

II. Công tác tổ chức Hội đồng thi và đăng ký dự thi

1. Tổ chức Hội đồng thi:

a) Chủ tịch Hội đồng thi phải bố trí số lượng cán bộ dự phòng làm nhiệm vụ tại các Điểm thi để bảo đảm có đủ cán bộ coi thi (CBCT) tại các phòng thi và cán bộ giám sát phòng thi (CBGS).

b) Quy định mã trong Kỳ thi: được quy định tại Phụ lục II.

c) Các Hội đồng thi phải in thẻ đeo cho tất cả những người tham gia tổ chức Kỳ thi; thẻ đeo phải được đóng dấu treo của Sở GDĐT (hoặc của Điểm thi đối với những người làm nhiệm vụ tại Điểm thi); trên thẻ đeo cần ghi rõ tên Hội đồng thi, tên Điểm thi (hoặc tên Ban), họ tên người làm nhiệm vụ (có thể sử dụng màu thẻ đeo khác nhau cho các nhóm nhiệm vụ).

d) Cục Nhà trường - Bộ Quốc phòng có thể tổ chức cho các thí sinh dự thi tại Hội đồng thi do Sở GDĐT chủ trì hoặc tổ chức 01 Hội đồng thi do Cục Nhà trường - Bộ Quốc phòng chủ trì. Mỗi Hội đồng thi có thể có nhiều Điểm thi.

2. Đăng ký dự thi và đăng ký xét công nhận tốt nghiệp:

a) Tài khoản của thí sinh trên Hệ thống quản lý thi (QLT):

- Các trường phổ thông cấp tài khoản và mật khẩu cho thí sinh thuộc điểm a, khoản 1 Điều 12 của Quy chế thi (gọi tắt là thí sinh đang học lớp 12) và hướng dẫn thí sinh chuẩn bị hồ sơ để đăng ký dự thi (viết tắt là ĐKDT) trực tuyến.

- Đơn vị ĐKDT thực hiện cấp tài khoản và mật khẩu cho thí sinh thuộc điểm b, c khoản 1 Điều 12 của Quy chế thi (gọi tắt là thí sinh tự do) sau khi thí sinh nộp hồ sơ ĐKDT.

- Tài khoản là số Căn cước công dân (viết tắt là CCCD) hoặc Chứng minh nhân dân (viết tắt là CMND) hoặc mã số định danh cá nhân (viết tắt là ĐDCN) do cơ quan Công an cấp. Đối với thí sinh không có CCCD/CMND/ĐDCN hoặc không có quốc tịch Việt Nam thì sử dụng số Hộ chiếu của thí sinh để thay thế. Trường hợp thí sinh không có CCCD/CMND/ĐDCN/số Hộ chiếu thì Hệ thống QLT sẽ gán cho thí sinh một mã số gồm 12 ký tự để quản lý.

b) Các đơn vị chịu trách nhiệm hướng dẫn thí sinh sử dụng tài khoản được cấp để: ĐKDT trực tuyến; kiểm tra thông tin cá nhân; đăng ký xét tuyển sinh Đại học, Cao đẳng (ĐH, CĐ); nộp các minh chứng để hưởng chế độ ưu tiên trong tuyển sinh ĐH, CĐ tại website http://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn.

c) Rà soát dữ liệu:

- Sở GDĐT chỉ đạo các trường phổ thông và các đơn vị ĐKDT kiểm tra và kiểm tra chéo thông tin thí sinh ĐKDT, đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT, đặc biệt lưu ý các thông tin về diện ưu tiên, điểm khuyến khích trong xét công nhận tốt nghiệp THPT và thông tin để hưởng ưu tiên trong xét tuyển sinh ĐH, CĐ; tổ chức lưu giữ hồ sơ ĐKDT của các đối tượng dự thi.

- Để bảo đảm dữ liệu tổ chức thi là chính xác, các đơn vị ĐKDT in thông tin của thí sinh đang học lớp 12 từ Hệ thống QLT (Phiếu ĐKDT, Phiếu Đăng ký xét công nhận tốt nghiệp) và tổ chức cho học sinh rà soát, ký xác nhận.

d) Các thí sinh tự do thuộc điểm b khoản 1 Điều 12 Quy chế thi có học bạ theo chương trình THPT nào phải ĐKDT theo quy định dành cho chương trình đó. Trong trường hợp

thí sinh bị mất bản chính học bạ THPT có nguyện vọng được dự thi năm 2024 phải có xác nhận bản sao học bạ được cấp hoặc bản sao kết quả học tập THPT hoặc được sở GDĐT xác nhận (trên cơ sở đối chiếu với hồ sơ lưu của trường phổ thông nơi học lớp 12 hoặc căn cứ vào hồ sơ dự thi của các kỳ thi trước).

đ) Một số lưu ý trong quá trình đăng ký dự thi:

- Ảnh của thí sinh trên hệ thống phải bảo đảm độ phân giải là 400x600 pixels, được chụp theo kiểu căn cước công dân và trước thời gian nộp hồ sơ không quá 06 tháng.

- Thí sinh đã đăng ký sơ tuyển phải dùng CCCD/CMND/ĐDCN/Số Hộ chiếu thống nhất khi ĐKDT, đăng ký sơ tuyển và đăng ký xét tuyển sinh ĐH, CĐ.

- Mẫu hồ sơ ĐKDT được quy định tại phụ lục III.

- Mẫu hồ sơ Đăng ký xét công nhận tốt nghiệp được quy định tại phụ lục IV.

- Trong thời hạn đăng ký dự thi, thí sinh có nguyện vọng đăng ký xét tuyển sinh ĐH, CĐ phải khai báo trên phần mềm đầy đủ, đúng các thông tin kèm minh chứng để hưởng ưu tiên trong xét tuyển sinh ĐH, CĐ theo quy định và hướng dẫn tại Phụ lục XI.

III. In sao, vận chuyển và bàn giao đề thi tại Hội đồng thi

1. Chủ tịch Hội đồng thi quyết định thời gian in sao đề thi; số lượng đề thi in sao; chuyển giao đề thi gốc còn nguyên niêm phong và hướng dẫn in sao cho Trưởng ban In sao đề thi; phương án và thời gian vận chuyển, bàn giao đề thi đến các Điểm thi bảo đảm sát thực tế và an toàn, bảo mật.

2. Trưởng ban In sao đề thi kiểm tra bảo đảm có các phương tiện thiết bị phục vụ in sao đề thi như: máy photocopy siêu tốc, máy sắp xếp tài liệu và máy đếm trang (nếu có),... Các máy móc, thiết bị không có và không gắn bộ phận thu phát và không nối mạng Internet, phải được công an kiểm tra niêm phong các cổng kết nối và lập biên bản kiểm tra, niêm phong. Mọi phương tiện, thiết bị, vật tư trong khu vực in sao đề thi dù bị hư hỏng hay không dùng đến chỉ được đưa ra ngoài khu vực này khi thi xong bài thi/môn thi cuối cùng của Kỳ thi. Các phòng trong khu vực in sao đề thi không sử dụng phải được niêm phong theo quy định.

3. Trong khu vực in sao đề thi, không được sử dụng các phương tiện thông tin liên lạc, các loại điện thoại, trừ 01 điện thoại cố định có chức năng ghi âm và có loa ngoài *(hoặc điện thoại cố định và thiết bị ghi âm điện thoại cố định có loa ngoài và không có chức năng kết nối internet)* đặt tại vòng 2 được công an kiểm soát liên tục 24 giờ/ngày; mọi cuộc liên lạc đều phải ghi âm, bật loa ngoài để nghe công khai, phải ghi nhật ký có chữ ký của người trực tiếp liên lạc và có sự chứng kiến, xác nhận của công an và người làm nhiệm vụ giám sát tại khu vực này.

4. Trong quá trình in sao:

a) Mỗi túi đề thi tự luận, trắc nghiệm phải đủ cho 24 thí sinh đối với tất cả các phòng thi của các Điểm thi thuộc Hội đồng thi.

b) In sao đề thi các bài thi/môn thi theo số lượng được giao; chú ý in sao đề thi các bài thi/môn thi Ngoại ngữ cho các phòng thi ghép. Đề thi của mỗi bài thi/môn thi trắc nghiệm: In sao từng mã đề thi, dập ghim xong (nếu có) mới chuyển sang in sao đến mã đề thi khác; phải kiểm tra đúng mã đề thi, số lượng tờ, thứ tự sắp xếp và chất lượng từng bản sao.

c) Đối với bài thi tổ hợp, việc in sao, đóng gói thực hiện như sau: In sao niêm phong

oát, kiểm tra, chỉnh sửa thông tin của nh (nếu có), rà soát điểm bảo lưu của nh (nếu có).	Các Sở GDĐT	Các đơn vị đăng ký dự thi	Từ ngày đến hết 17/5/2
nh sách thí sinh ĐKDT theo thứ tự a, .. của tên thí sinh; in, ký tên và đóng	Các đơn vị ĐKDT	Các Sở GDĐT	Hoàn t chậm nh

theo từng môn thi thành
của mã đề thi); Các bì/tú
ngoài bì/túi ghi rõ tên n
thi, phòng thi và Điểm t

d) Mỗi bài thi/môn
với số lượng tối đa (đố
phòng thi), được đóng t
ngoài bì/túi "Đề thi dự
Sau khi đóng gói xong
bì/túi đề thi; kể cả các b

5. Phải có biện ph
nhau, ví dụ: bì/túi đề thi
giấy dán có màu khác nh

IV. Coi thi

1. Tại các Điểm th
thứ nhất và/hoặc thứ hai
phòng chờ để quản lý th
sinh phải có mặt đúng g

2. Đăng ký chữ ký
phát thông tin:

a) Đối với những c
Điểm thi, Thư ký và Cá
sách theo Mẫu số 1 Phụ
Trưởng Điểm thi tổ chứ
để trong 03 túi, bên ngoà
đóng gói và niêm phong
Hội đồng thi bàn giao bà
Ban Làm phách bài thi tự

b) Trưởng Điểm thi
người đang thực hiện nh
lưu giữ, bảo quản các thi
đảm an ninh, an toàn của

3. Mỗi phòng thi p
Đối với các phòng thi c
thuộc bài thi tổ hợp cần c
để CBCT thực hiện niêm

4. Bảo quản và sử d

a) Phiếu TLTN phả
phong đến khi phát cho th

b) Chủ tịch Hội đồn
từng phòng thi với số lượ
phòng thi, buổi thi ở bên
với số lượng cần thiết để

ÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phụ lục I

KẾ HOẠCH CHUẨN BỊ, TỔ CHỨC
KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2024

(Kèm theo Công văn số 1277 /BGDĐT-QLCL ngày 22 /3/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Nội dung công tác	Đơn vị chủ trì	Đơn vị tham gia	Thời thực
huấn Quy chế thi và nghiệp vụ tổ c thi cho các Sở GDĐT.	Bộ GDĐT	Các Sở GDĐT	Hoàn chậm nh 18/4/
chức tập huấn Quy chế thi và nghiệp ổ chức thi cho cán bộ làm công tác thi.	Các Sở GDĐT	Các trường phổ thông	Hoàn chậm nh 23/4/
soát, cập nhật thông tin của học sinh, viên (gọi chung là học sinh) đang học 12 trên cơ sở dữ liệu (CSDL) ngành, ông tin cá nhân học sinh.	Các Sở GDĐT	Các trường phổ thông	Hoàn chậm nh ngày 23
ông tin kết quả học tập của học sinh.			Hoàn chậm nh ngày 31
p và giao tài khoản cho thí sinh là học đang học lớp 12 năm học 2023-2024 tắt là thí sinh đang học lớp 12).	Các Sở GDĐT	Các trường phổ thông	Từ ngà đến hế 26/4/
chức cho thí sinh là học sinh đang lớp 12 thử đăng ký dự thi (ĐKDT) tuyển trên Hệ thống QLT.			Từ ngà đến hế 28/4/
chức cho thí sinh đang học lớp 12 thức ĐKDT trực tuyến.			Từ ngà đến 17 g 10/5/
hức cho thí sinh thuộc điểm b, điểm ản 1 Điều 12 Quy chế thi (gọi tắt là inh tự do) ĐKDT trực tiếp; nhận ĐKDT và nhập dữ liệu của thí sinh Hệ thống QLT.	Các Sở GDĐT	Đơn vị ĐKDT do Sở GDĐT quy định	Từ ngà đến 17 g 10/5/
h lập Ban Chỉ đạo thi tốt nghiệp T các cấp.	Bộ GDĐT, UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan; Các	Hoàn chậm nh

số lượng phiếu, tên Điểm thi, buổi thi ở bên ngoài túi.

c) Trước buổi thi đầu tiên của Kỳ thi, Chủ tịch Hội đồng thi quyết định thời gian và địa điểm bàn giao các túi đựng Phiếu TLTN cho các Trưởng Điểm thi bảo đảm an toàn, bảo mật. Trước mỗi buổi thi, Trưởng Điểm thi bàn giao túi đựng Phiếu TLTN của phòng thi cho CBCT phòng thi đó. Lưu ý: Khi giao nhận, phải lập biên bản ghi rõ số lượng giao nhận và tình trạng của túi đựng Phiếu TLTN.

d) Sau mỗi buổi thi, Trưởng Điểm thi lập Biên bản về tình trạng sử dụng Phiếu TLTN ghi rõ các thông tin: Tổng số phiếu; số phiếu đã sử dụng; số phiếu thừa thu lại; số phiếu hỏng thu lại, số phiếu thay thế; các biên bản này được Trưởng Điểm thi nộp cùng với hồ sơ coi thi.

5. Đối với buổi thi bài thi tổ hợp:

a) Khi hết thời gian làm bài của môn thi thành phần cuối cùng của thí sinh trong buổi thi bài thi tổ hợp, CBCT mới thu Phiếu TLTN.

b) Trong suốt thời gian thi bài thi tổ hợp, CBCT phải giám sát chặt chẽ, không để thí sinh ghi chép các nội dung hoặc để lại các dấu hiệu liên quan đến đề thi ra các giấy tờ, tài liệu, vật dụng nào khác ngoài giấy nháp (có chữ ký của CBCT); phải kịp thời thu giữ các giấy tờ, tài liệu, vật dụng này nếu phát hiện vi phạm.

c) Trong khoảng thời gian nghỉ chờ giữa 02 môn thi thành phần của bài thi tổ hợp, thí sinh đã thi môn thành phần trước đó nếu có nhu cầu hợp lý thì được CBCT xem xét cho phép ra ngoài phòng thi; thí sinh phải đặt Phiếu TLTN sao cho phần tô câu trả lời úp xuống mặt bàn tại vị trí ngồi của thí sinh; CBCT thứ hai chịu trách nhiệm giám sát không để thí sinh khác can thiệp/lợi dụng Phiếu TLTN của thí sinh; thí sinh phải chịu sự quản lý và phải tuân thủ hướng dẫn của CBGS khi ở ngoài phòng thi. CBCT và CBGS cần phối hợp chặt chẽ để cho thí sinh có nhu cầu lần lượt ra ngoài phòng thi, tuyệt đối không làm ảnh hưởng đến trật tự phòng thi và khu vực thi.

d) Khi mang Atlat vào phòng thi để sử dụng trong giờ thi môn thi thành phần Địa lí của bài thi tổ hợp KHXH, thí sinh ghi rõ họ tên và số báo danh vào trang bìa của Atlat và nộp Atlat cho CBCT để kiểm soát; CBCT giao lại Atlat cho thí sinh khi bắt đầu giờ làm bài môn thi Địa lí và thu lại ngay khi hết giờ làm bài môn thi này, chỉ trả lại cho thí sinh sau khi thí sinh hoàn thành môn thi cuối cùng của mình trong bài thi tổ hợp.

6. Thu bài thi và giao nộp bài thi cuối mỗi buổi thi:

a) Trước giờ thu bài thi 05 phút, CBCT yêu cầu thí sinh kiểm tra lại mã đề thi, số báo danh, các thông tin cá nhân khác trên giấy thi/Phiếu TLTN.

b) Đối với bài thi/môn thi trắc nghiệm, khi thu Phiếu TLTN, CBCT kiểm tra mã đề thi thí sinh đã tô trên Phiếu TLTN với mã đề thi đã phát và Phiếu thu bài thi để bảo đảm chính xác.

c) Khi bàn giao bài thi cho Trưởng Điểm thi (qua Thư ký Điểm thi), hai CBCT cùng mở túi phụ tại phòng làm việc của Điểm thi và gộp chung với các bài thi khác của phòng thi để nộp bài thi (nếu có). Bên ngoài túi bài thi phải ghi đầy đủ các thông tin sau: Hội đồng thi; Điểm thi; Phòng thi; Buổi thi (thời gian, ngày thi); Tên bài thi; Họ tên, chữ ký của 02 CBCT; Họ tên, chữ ký của Thư ký trực tiếp kiểm đếm bài thi và Trưởng Điểm thi.

7. Trong quá trình coi thi, các tình huống bất thường (nếu có) đặc biệt là các tình huống ảnh hưởng đến quyền lợi của thí sinh, CBCT phải thông qua CBGS để báo ngay cho Trưởng Điểm thi xem xét quyết định trước khi xử lý. CBGS cần phối hợp chặt chẽ với

CBCT xử lý các trường hợp thí sinh phải ra khỏi phòng thi khi chưa hết giờ làm bài thi của buổi thi vì lý do bất khả kháng; đồng thời, giám sát chặt chẽ, bảo đảm thí sinh không được tiếp xúc, trao đổi với thí sinh khác trong suốt quá trình ra khỏi phòng thi.

8. Bảo quản bài thi tại Điểm thi và giao nộp bài thi:

Việc bảo quản bài thi tại Điểm thi thực hiện theo quy định tại Điều 19 Quy chế thi và một số nội dung sau:

a) Camera giám sát phòng bảo quản đề thi và bài thi phải bảo đảm: bao quát được toàn bộ các vật dụng chứa đề thi, bài thi trong phòng và các hành vi tác động đến vật dụng đó; lưu trữ được toàn bộ dữ liệu của quá trình bảo quản đề thi và bài thi tại điểm thi; hoạt động liên tục kể cả khi mất điện lưới. Hệ thống camera không được kết nối internet và chỉ được kết nối bằng hình thức hữu tuyến (có dây) tới màn hình hiển thị (nếu có). Hằng ngày, Trưởng Điểm thi phải phối hợp với lực lượng công an kiểm tra tình trạng hoạt động của camera. Trong trường hợp sử dụng hệ thống camera có màn hình hiển thị thì màn hình phải được đặt tại vị trí dễ quan sát và do lực lượng công an quản lý.

b) Thiết bị lưu trữ dữ liệu (ổ cứng/ thẻ nhớ) của camera phải được niêm phong ngay sau khi bài thi được chuyển khỏi phòng, dưới sự chứng kiến của Trưởng Điểm thi và công an. Thiết bị lưu trữ dữ liệu của camera sau khi niêm phong được bàn giao cho Sở GDĐT hoặc cơ sở giáo dục nơi đặt Điểm thi để bảo quản, lưu giữ theo quy định của Quy chế thi.

c) Việc giao nộp bài thi từ Điểm thi về Hội đồng thi phải được thực hiện ngay sau buổi thi cuối cùng của Kỳ thi; trường hợp bất khả kháng do Chủ tịch Hội đồng thi quyết định. Chủ tịch Hội đồng thi quy định thời gian và địa điểm giao nộp bài thi và phải áp dụng các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn cho bài thi như quy định đối với đề thi tại Điều 18 Quy chế thi; phải có công an và Trưởng hoặc Phó Trưởng ban Thư ký Hội đồng thi trông giữ phòng lưu trữ, bảo quản bài thi tại các địa điểm giao nhận liên tục 24 giờ/ngày.

V. Làm phách bài thi tự luận

1. Việc gieo phách được thực hiện trên Phần mềm Hỗ trợ chấm thi của Bộ GDĐT. Ngay sau khi gieo phách, Trưởng ban Làm phách/Tổ trưởng Tổ làm phách mỗi vòng đặt mật khẩu để khóa dữ liệu của việc gieo phách và bảo quản mật khẩu. Trưởng ban Làm phách/Tổ trưởng Tổ làm phách mỗi vòng có thể giao một thành viên để thực hiện việc in các biểu hướng dẫn dồn túi, biểu đối chiếu số phách – số báo danh.

2. Trước khi cắt các túi bài thi, các thành viên phải kiểm tra tình trạng niêm phong, cắt miệng các túi bài thi (chú ý không cắt rời hẳn miệng túi), kiểm đếm số bài, số tờ giấy thi và đối chiếu với số bài, số tờ ghi trên túi đựng bài thi. Nếu có bất thường (túi không còn nguyên niêm phong, số bài, số tờ giấy thi không khớp với thông tin ghi trên bì hoặc trên Phiếu thu bài, …) phải báo cáo với Trưởng ban/Tổ trưởng và lập biên bản.

3. Làm phách 1 Vòng:

a) Bước 1. Dồn túi: Sau khi tiến hành gieo phách Trưởng ban Làm phách giao các túi bài thi cho các thành viên của Ban Làm phách để tiến hành dồn túi theo thông tin trên biểu hướng dẫn dồn túi.

b) Bước 2. Đánh phách: thành viên của Ban Làm phách căn cứ vào biểu đối chiếu phách – số báo danh để thực hiện đánh phách cho từng bài thi. Việc đánh phách phải thực hiện theo từng túi chấm, mỗi bài thi có 01 số phách tương ứng với số báo danh được ghi

TT	Nội dung công tác	Đơn vị chủ trì	Đơn vị tham gia	Thời gian thực hiện
	dấu trên Phiếu ĐKDT đối với thí sinh đăng ký ĐKDT trực tuyến, cho thí sinh ký xác nhận thông tin ĐKDT trên Phiếu và danh sách; bàn giao cho thí sinh Phiếu ĐKDT số 2 và lưu Phiếu ĐKDT số 1.			20/5/2024
9	Kiểm tra và kiểm tra chéo thông tin thí sinh.	Các Sở GDĐT	Các Đơn vị ĐKDT	Hoàn thành chậm nhất ngày 23/5/2024
10	Hoàn thành chỉnh sửa thông tin của thí sinh (nếu có); bàn giao Danh sách thí sinh ĐKDT và Phiếu ĐKDT hoặc túi hồ sơ ĐKDT (đối với thí sinh tự do) cho Sở GDĐT.	Các Sở GDĐT	Các Đơn vị ĐKDT	Từ ngày 24/5 đến hết ngày 28/5/2024
11	Tập huấn Phần mềm chấm thi trắc nghiệm.	Bộ GDĐT	Các Sở GDĐT	Hoàn thành chậm nhất ngày 20/5/2024
12	Thành lập Hội đồng thi, phân công nhiệm vụ các thành viên.	Các Sở GDĐT	Các đơn vị có liên quan	Hoàn thành chậm nhất ngày 20/5/2024
13	Thành lập các Ban của Hội đồng thi và các Điểm thi.	Các Sở GDĐT	các đơn vị có liên quan	Theo tiến độ tổ chức Kỳ thi
14	Nhận Phiếu đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT và hồ sơ kèm theo.	Các Đơn vị ĐKDT	Các Sở GDĐT	Hoàn thành chậm nhất ngày 31/5/2024
15	Nhập, rà soát dữ liệu xét công nhận tốt nghiệp, dữ liệu về ưu tiên của thí sinh vào Hệ thống QLT; in thông tin của thí sinh từ Hệ thống QLT, cho học sinh rà soát, ký xác nhận.	Các Đơn vị ĐKDT	Các Sở GDĐT	Từ ngày 01/6/2024 đến ngày 06/6/2024
16	Cập nhật báo cáo trước Kỳ thi vào Hệ thống QLT và gửi về Bộ GDĐT. Duyệt thông tin ĐKDT, thông tin xét công nhận tốt nghiệp trên hệ thống QLT.	Các Sở GDĐT	Cục QLCL	Hoàn thành chậm nhất ngày 07/6/2024
17	Thông báo công khai những trường hợp thí sinh không đủ điều kiện dự thi.	Thủ trưởng Đơn vị ĐKDT		Hoàn thành chậm nhất ngày 07/6/2024
18	Đánh số báo danh, xếp phòng thi theo từng bài thi/môn thi tại các Điểm thi.	Các Hội đồng thi		Hoàn thành chậm nhất ngày 11/6/2024
19	In các tài liệu cho công tác tổ chức thi và trả Giấy báo dự thi cho thí sinh.	Các Đơn vị ĐKDT		Hoàn thành chậm nhất ngày 18/6/2024
20	Chuẩn bị cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết để tổ chức thi tại các Điểm thi.	Hội đồng thi	Các Điểm thi	Hoàn thành chậm nhất ngày 21/6/2024

TT	Nội dung công tác	Đơn vị chủ trì	Đơn vị tham gia	Thời gian thực hiện
21	Bàn giao đề thi tới các Điểm thi.	Ban In sao đề thi; Ban Vận chuyển và bàn giao đề thi	Các Điểm thi	Do Chủ tịch Hội đồng thi quy định
22	Tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ coi thi.	Các Sở GDĐT	Các trường phổ thông; cá nhân và đơn vị có liên quan	Hoàn thành chậm nhất ngày 24/6/2024
23	Ban Coi thi làm việc.	Ban Coi thi	Các Sở GDĐT	Từ ngày 25/6/2023
24	**Tổ chức coi thi.**	**Ban Coi thi của Hội đồng thi**	**Các Sở GDĐT**	**Các ngày 27, 28 và 29/6/2024**
25	Cập nhật báo cáo nhanh tình hình coi thi từng buổi thi tại các Hội đồng thi vào Hệ thống QLT.	Các Hội đồng thi	Các Điểm thi	Buổi sáng, chậm nhất 11 giờ 30. Buổi chiều, chậm nhất 16 giờ 30
26	Cập nhật báo cáo tổng hợp số liệu và tình hình coi thi tại các Hội đồng thi vào Hệ thống QLT.	Các Hội đồng thi	Các Điểm thi	Hoàn thành chậm nhất 11 giờ 30 ngày 29/6/2024
27	Gửi Đĩa CD0 về Bộ GDĐT	Ban Chấm thi trắc nghiệm	Các Sở GDĐT	Hoàn thành chậm nhất ngày 05/7/2024
28	Gửi Đĩa CD1 về Bộ GDĐT			Hoàn thành chậm nhất ngày 07/7/2024
29	Gửi Đĩa CD2 về Bộ GDĐT			Hoàn thành chậm nhất ngày 09/7/2024
30	Gửi Đĩa CD3 về Bộ GDĐT			Hoàn thành chậm nhất ngày 12/7/2024
31	- Tổ chức chấm thi; - Tổng kết công tác chấm thi; - Gửi dữ liệu kết quả thi về Bộ GDĐT (Đĩa CD chứa toàn bộ dữ liệu điểm bài thi trắc nghiệm và tự luận); - Đối sánh kết quả thi.	Các Ban Chỉ đạo cấp tỉnh; các Hội đồng thi	Cục QLCL; các Sở GDĐT	Hoàn thành chậm nhất 17 giờ ngày 14/7/2024
32	**Công bố kết quả thi**	**Các Hội đồng thi**	**Các Sở GDĐT; các đơn vị ĐKDT**	**8 giờ 00 ngày 17/7/2024**
33	Xét công nhận tốt nghiệp THPT.	Các Sở GDĐT	Các trường phổ thông	Chậm nhất ngày 19/7/2024

TT	Nội dung công tác	Đơn vị chủ trì	Đơn vị tham gia	Thời gian thực hiện
34	Cập nhật vào Hệ thống QLT và gửi báo cáo kết quả xét công nhận tốt nghiệp THPT về Bộ GDĐT; công bố kết quả tốt nghiệp THPT.	Các Sở GDĐT		Hoàn thành chậm nhất ngày 21/7/2024
35	Cấp Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời; trả học bạ và các loại Giấy chứng nhận liên quan (bản chính) cho thí sinh.	Hiệu trưởng trường phổ thông		Hoàn thành chậm nhất ngày 23/7/2024
36	In và gửi Giấy chứng nhận kết quả thi cho thí sinh.	Các Hội đồng thi	Các Sở GDĐT; các Đơn vị ĐKDT	Hoàn thành chậm nhất ngày 23/7/2024
37	Thu nhận đơn phúc khảo và lập danh sách phúc khảo.	Các Đơn vị ĐKDT	Các Sở GDĐT	Từ ngày 17/7 đến hết ngày 26/7/2024
38	Chuyển dữ liệu phúc khảo cho Sở GDĐT/Hội đồng thi.	Các Đơn vị ĐKDT	Các Sở GDĐT/ Hội đồng thi	Hoàn thành chậm nhất ngày 27/7/2024
39	Tổ chức phúc khảo bài thi (nếu có).	Các Hội đồng thi	Cục QLCL; các Sở GDĐT/Hội đồng thi	Hoàn thành chậm nhất ngày 04/8/2024
40	Xét công nhận tốt nghiệp THPT sau phúc khảo.	Các Sở GDĐT	Các trường phổ thông	Hoàn thành chậm nhất ngày 09/8/2024
41	Cập nhật vào Hệ thống QLT; gửi báo cáo và dữ liệu tổng hợp kết quả tốt nghiệp THPT về Bộ GDĐT (qua Cục QLCL).	Các Sở GDĐT	Cục QLCL	Hoàn thành chậm nhất ngày 11/8/2024
42	Gửi danh sách thí sinh được công nhận tốt nghiệp THPT về Bộ GDĐT (qua Văn phòng Bộ).	Các Sở GDĐT	Văn phòng Bộ GDĐT	Hoàn thành chậm nhất ngày 15/8/2024

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phụ lục II

QUY ĐỊNH CÁCH ĐÁNH MÃ TRONG KỲ THI

(Kèm theo Công văn số 1277 /BGDĐT-QLCL ngày 22 /3/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Mã Sở GDĐT và Mã Hội đồng thi:

Mã sở	Tên sở GDĐT	Mã Hội đồng thi	Tên Hội đồng thi
01	Sở GDĐT Hà Nội	**01**	Sở GDĐT Hà Nội
02	Sở GDĐT TP. Hồ Chí Minh	**02**	Sở GDĐT TP. Hồ Chí Minh
03	Sở GDĐT Hải Phòng	**03**	Sở GDĐT Hải Phòng
04	Sở GDĐT Đà Nẵng	**04**	Sở GDĐT Đà Nẵng
05	Sở GDĐT Hà Giang	**05**	Sở GDĐT Hà Giang
06	Sở GDĐT Cao Bằng	**06**	Sở GDĐT Cao Bằng
07	Sở GDĐT Lai Châu	**07**	Sở GDĐT Lai Châu
08	Sở GDĐT Lào Cai	**08**	Sở GDĐT Lào Cai
09	Sở GDĐT Tuyên Quang	**09**	Sở GDĐT Tuyên Quang
10	Sở GDĐT Lạng Sơn	**10**	Sở GDĐT Lạng Sơn
11	Sở GDĐT Bắc Kạn	**11**	Sở GDĐT Bắc Kạn
12	Sở GDĐT Thái Nguyên	**12**	Sở GDĐT Thái Nguyên
13	Sở GDĐT Yên Bái	**13**	Sở GDĐT Yên Bái
14	Sở GDĐT Sơn La	**14**	Sở GDĐT Sơn La
15	Sở GDĐT Phú Thọ	**15**	Sở GDĐT Phú Thọ
16	Sở GDĐT Vĩnh Phúc	**16**	Sở GDĐT Vĩnh Phúc
17	Sở GDĐT Quảng Ninh	**17**	Sở GDĐT Quảng Ninh
18	Sở GDĐT Bắc Giang	**18**	Sở GDĐT Bắc Giang
19	Sở GDĐT Bắc Ninh	**19**	Sở GDĐT Bắc Ninh
21	Sở GDĐT Hải Dương	**21**	Sở GDĐT Hải Dương
22	Sở GDĐT Hưng Yên	**22**	Sở GDĐT Hưng Yên
23	Sở GDĐT Hoà Bình	**23**	Sở GDĐT Hoà Bình
24	Sở GDĐT Hà Nam	**24**	Sở GDĐT Hà Nam
25	Sở GDĐT Nam Định	**25**	Sở GDĐT Nam Định
26	Sở GDĐT Thái Bình	**26**	Sở GDĐT Thái Bình
27	Sở GDĐT Ninh Bình	**27**	Sở GDĐT Ninh Bình
28	Sở GDĐT Thanh Hoá	**28**	Sở GDĐT Thanh Hoá
29	Sở GDĐT Nghệ An	**29**	Sở GDĐT Nghệ An
30	Sở GDĐT Hà Tĩnh	**30**	Sở GDĐT Hà Tĩnh
31	Sở GDĐT Quảng Bình	**31**	Sở GDĐT Quảng Bình
32	Sở GDĐT Quảng Trị	**32**	Sở GDĐT Quảng Trị
33	Sở GDĐT Thừa Thiên -Huế	**33**	Sở GDĐT Thừa Thiên -Huế
34	Sở GDĐT Quảng Nam	**34**	Sở GDĐT Quảng Nam
35	Sở GDĐT Quảng Ngãi	**35**	Sở GDĐT Quảng Ngãi
36	Sở GDĐT Kon Tum	**36**	Sở GDĐT Kon Tum
37	Sở GDĐT Bình Định	**37**	Sở GDĐT Bình Định

Mã sở	Tên sở GDĐT	Mã Hội đồng thi	Tên Hội đồng thi
38	Sở GDĐT Gia Lai	**38**	Sở GDĐT Gia Lai
39	Sở GDĐT Phú Yên	**39**	Sở GDĐT Phú Yên
40	Sở GDĐT Đắk Lắk	**40**	Sở GDĐT Đắk Lắk
41	Sở GDĐT Khánh Hoà	**41**	Sở GDĐT Khánh Hoà
42	Sở GDĐT Lâm Đồng	**42**	Sở GDĐT Lâm Đồng
43	Sở GDĐT Bình Phước	**43**	Sở GDĐT Bình Phước
44	Sở GDĐT Bình Dương	**44**	Sở GDĐT Bình Dương
45	Sở GDĐT Ninh Thuận	**45**	Sở GDĐT Ninh Thuận
46	Sở GDĐT Tây Ninh	**46**	Sở GDĐT Tây Ninh
47	Sở GDĐT Bình Thuận	**47**	Sở GDĐT Bình Thuận
48	Sở GDĐT Đồng Nai	**48**	Sở GDĐT Đồng Nai
49	Sở GDĐT Long An	**49**	Sở GDĐT Long An
50	Sở GDĐT Đồng Tháp	**50**	Sở GDĐT Đồng Tháp
51	Sở GDĐT An Giang	**51**	Sở GDĐT An Giang
52	Sở GDĐT Bà Rịa-Vũng Tàu	**52**	Sở GDĐT Bà Rịa-Vũng Tàu
53	Sở GDĐT Tiền Giang	**53**	Sở GDĐT Tiền Giang
54	Sở GDĐT Kiên Giang	**54**	Sở GDĐT Kiên Giang
55	Sở GDĐT Cần Thơ	**55**	Sở GDĐT Cần Thơ
56	Sở GDĐT Bến Tre	**56**	Sở GDĐT Bến Tre
57	Sở GDĐT Vĩnh Long	**57**	Sở GDĐT Vĩnh Long
58	Sở GDĐT Trà Vinh	**58**	Sở GDĐT Trà Vinh
59	Sở GDĐT Sóc Trăng	**59**	Sở GDĐT Sóc Trăng
60	Sở GDĐT Bạc Liêu	**60**	Sở GDĐT Bạc Liêu
61	Sở GDĐT Cà Mau	**61**	Sở GDĐT Cà Mau
62	Sở GDĐT Điện Biên	**62**	Sở GDĐT Điện Biên
63	Sở GDĐT Đăk Nông	**63**	Sở GDĐT Đăk Nông
64	Sở GDĐT Hậu Giang	**64**	Sở GDĐT Hậu Giang
65	Cục Nhà trường - Bộ Quốc phòng	**65**	Cục Nhà trường - Bộ Quốc phòng

2. Mỗi đơn vị đăng ký dự thi (ĐKDT) được Sở GDĐT gán mã số gồm ba chữ số từ 001 đến 999; theo đó:

a) Mã từ 001, 002… đến 900 được gán cho các Đơn vị ĐKDT là trường THPT, trung tâm GDTX hoặc cơ sở giáo dục tương đương khác (gọi chung là trường phổ thông), nơi thí sinh thuộc điểm a khoản 1 Điều 12 Quy chế thi (thí sinh là học sinh đang học lớp 12 năm học 2023-2024) ĐKDT và đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT.

b) Mã 901 đến 999 được gán cho các Đơn vị ĐKDT là nơi thí sinh thuộc điểm b, điểm c khoản 1 Điều 12 Quy chế thi (gọi tắt là thí sinh tự do) ĐKDT và đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT (nếu có).

3. Mã Điểm thi: được Hội đồng thi gán mã số từ 01 đến hết.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phụ lục III
MẪU PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ THI

(Kèm theo Công văn số 1277/BGDĐT-QLCL ngày 22/3/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

SỞ GDĐT.....MÃ SỞ: ☐☐

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ THI KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT — *Số phiếu:* ☐☐☐☐☐☐

Trước khi kê khai Phiếu đăng ký dự thi (ĐKDT), thí sinh cần chuẩn bị đầy đủ tài liệu phục vụ ĐKDT (bản in và bản điện tử-file ảnh), phải đọc kỹ các mục và HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU, những điểm chưa rõ có thể hỏi cán bộ tiếp nhận ĐKDT để được hướng dẫn

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ, chữ đệm và tên của thí sinh *(Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)*
.....
Giới tính *(Nữ ghi 1, Nam ghi 0)* ☐

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh *(Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ô đầu)*
☐☐ *Ngày* ☐☐ *Tháng* ☐☐ *Năm*

3. a) Nơi sinh *(tỉnh hoặc thành phố trực thuộc Trung ương; sau đây viết tắt là tỉnh/thành phố):*.....
b) Dân tộc *(Ghi bằng chữ)*.....
c) Quốc tịch nước ngoài ☐

4. Số Căn cước công dân/ Chứng minh nhân dân *(Ghi mỗi chữ số vào một ô)*
☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐

5. Nơi thường trú: ☐☐ *Mã tỉnh/thành phố* ☐☐ *Mã huyện/quận* ☐☐ *Mã xã/phường*
Ghi rõ tên tỉnh/thành phố, huyện/quận, xã/phường vào dòng tương ứng
.....
Nơi thường trú trên 18 tháng tại khu vực 1: ☐ *Nơi thường trú trên 18 tháng tại xã đặc biệt khó khăn:* ☐

6. Nơi học THPT hoặc tương đương *(Ghi tên và địa chỉ trường: huyện/quận, tỉnh/thành phố và ghi mã tỉnh, mã trường):*
Năm lớp 10:.....
Năm lớp 11:.....
Năm lớp 12:.....
Tên lớp 12:.....
☐☐☐☐☐ *Mã Tỉnh* *Mã Trường*

7. Điện thoại ..... **Email:** .....

8. Họ tên, điện thoại và địa chỉ người liên hệ:.....
.....

B. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THI

9. Thí sinh có dùng kết quả thi để xét tuyển sinh ĐH, CĐSP ☐

10. Thí sinh học chương trình THPT ☐ **Thí sinh học chương trình GDTX cấp THPT** ☐
11. Thí sinh tự do chưa tốt nghiệp THPT (1) ☐ **Thí sinh tự do đã tốt nghiệp THPT** (2) ☐
12. Dự thi tại Hội đồng thi:..... **Mã Hội đồng thi** ☐☐
13. Nơi ĐKDT:..... **Mã đơn vị ĐKDT** ☐☐☐

14. Đăng ký bài thi/môn thi *(Thí sinh đăng ký dự thi bài thi nào thì đánh dấu "X" vào ô bài thi tương ứng, riêng đối với bài thi Ngoại ngữ, thí sinh điền vào ô trống mã tương ứng với ngôn ngữ lựa chọn, cụ thể như sau: N1 - Tiếng Anh; N2 - Tiếng Nga; N3 - Tiếng Pháp; N4 - Tiếng Trung Quốc; N5 - Tiếng Đức; N6 - Tiếng Nhật; N7 - Tiếng Hàn).*

a) Đăng ký bài thi (*Thí sinh chỉ được đăng ký một bài thi tổ hợp KHTN hoặc KHXH*):
Toán ☐ *Ngữ văn* ☐ *Ngoại ngữ* ☐ *KHTN* ☐ *KHXH* ☐

b) Đăng ký môn thi thành phần trong bài thi tổ hợp *(Chỉ dành cho thí sinh tự do không chọn dự thi toàn bài thi tổ hợp)*
Vật lí ☐ *Hóa học* ☐ *Sinh học* ☐ *Lịch sử* ☐ *Địa lí* ☐ *GDCD* ☐

15. Đăng ký miễn thi bài thi môn Ngoại ngữ trong xét công nhận tốt nghiệp THPT hoặc đăng ký để xét tuyển sinh: *(Thí sinh ghi loại chứng chỉ ngoại ngữ đủ điều kiện theo quy định hoặc ghi rõ là thành viên đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế môn Ngoại ngữ để được miễn thi):* ..... **Điểm thi** *(Nếu Chứng chỉ có điểm thi, thí sinh ghi điểm vào ô này):* ☐☐☐

16. Đăng ký bài/môn thi đề nghị bảo lưu để xét tốt nghiệp của thí sinh tự do *(Thí sinh ghi rõ điểm bài/môn thi xin đề nghị bảo lưu vào ô tương ứng):*
Toán ☐ *Ngữ văn* ☐ *Lịch sử* ☐ *Địa lí* ☐ *GDCD* ☐
Vật lí ☐ *Hóa học* ☐ *Sinh học* ☐ *Ngoại ngữ* ☐

CAM ĐOAN VÀ XÁC NHẬN
Tôi xin cam đoan những lời khai trong Phiếu ĐKDT này là đúng sự thật. Nếu sai, tôi xin chịu xử lý theo các quy định hiện hành.
Ngày tháng năm 20.....
Thí sinh ký và ghi rõ họ tên

Ảnh 4x6

Xác nhận người khai Phiếu này đang học lớp.....
trường .....
Hoặc đang cư trú ở xã/phường.....
huyện/quận.....
tỉnh/thành phố.....
Hiệu trưởng các trường nơi HS đang học hoặc Công an xã, phường nơi thí sinh tự do đang cư trú tại địa phương ký tên và đóng dấu (chỉ đóng một dấu có phần giáp lai trên ảnh)
Ngày tháng năm 20.....
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: (1) Người đã học xong chương trình cấp THPT nhưng chưa thi tốt nghiệp THPT hoặc đã thi nhưng chưa tốt nghiệp THPT ở những năm trước;
(2) Người đã có bằng tốt nghiệp THPT, có bằng tốt nghiệp trung cấp dự thi để lấy kết quả làm cơ sở đăng ký xét tuyển sinh.

NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

- Trước khi khai phiếu đăng ký dự thi (ĐKDT), thí sinh phải đọc kỹ các mục và bản **HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU**, những điểm nào chưa rõ thí sinh phải hỏi cán bộ tiếp nhận ĐKDT để được hướng dẫn đầy đủ. Thí sinh phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về thông tin khai trong Phiếu ĐKDT.

- Thí sinh là học sinh đang học lớp 12 thực hiện khai thông tin ĐKDT trực tuyến theo tài khoản được cấp trên Hệ thống phần mềm Quản lý thi. Sau khi hoàn thành rà soát và xác nhận theo thời hạn ĐKDT quy định, Trường THPT nơi thí sinh đang học in Phiếu ĐKDT, Phiếu số 1, Phiếu số 2 và ký tên, đóng một dấu có phần giáp lai lên ảnh của Phiếu ĐKDT để xác nhận nhân thân thí sinh.

- Thí sinh tự do khai thông tin cần thiết trên bì đựng Phiếu ĐKDT, Phiếu số 1 và Phiếu số 2 (thông tin phải giống nhau ở tất cả các mục tương ứng trên bì, Phiếu số 1 và Phiếu số 2) rồi nộp cho nơi tiếp nhận đăng ký dự thi kèm theo bản sao (photocopy) 2 mặt CMNN/CCCD trên 1 mặt của tờ giấy A4 và 2 ảnh cỡ 4x6 kiểu CCCD/CMND, mới chụp trong vòng 6 tháng (có ghi rõ họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, vào mặt sau tấm ảnh, 2 ảnh này đựng trong một phong bì nhỏ). Ngoài ra, phải dán thêm 1 ảnh vào vị trí đã xác định ở mặt trước túi đựng Phiếu ĐKDT. Công an xã phường nơi thí sinh tự do đang cư trú ký tên và đóng một dấu có phần giáp lai lên ảnh của Phiếu ĐKDT để xác nhận nhân thân thí sinh.

Người chưa có bằng tốt nghiệp THPT hoặc có bằng tốt nghiệp trung cấp dự thi để xét tốt nghiệp THPT hoặc lấy kết quả thi tốt nghiệp THPT làm cơ sở để đăng ký xét tuyển sinh ĐH, CĐ phải điền tất cả các mục trên phần mềm. Người đã có bằng tốt nghiệp THPT hoặc có bằng tốt nghiệp trung cấp đăng ký dự thi để lấy kết quả thi tốt nghiệp THPT làm cơ sở để đăng ký xét tuyển sinh ĐH, CĐ chỉ phải khai từ mục 1 đến mục 15 và các mục 24, 25, 26, 27 trên phần mềm.

- Nơi tiếp nhận ĐKDT giữ lại bì đựng Phiếu ĐKDT, Phiếu số 1, bản sao (photocopy) CCCD/CMND và 2 ảnh, trả lại Phiếu số 2 cho thí sinh sau khi đã ký và đóng dấu xác nhận.

- Thí sinh lưu giữ Phiếu số 2 này để nhận Giấy báo thi, Giấy chứng nhận kết quả thi. Trong trường hợp có những sai sót thông tin đăng ký dự thi hoặc bị thất lạc Giấy báo thi thí sinh đem Phiếu ĐKDT này trực tiếp tới Điểm thi đã đăng ký vào buổi tập trung phổ biến quy chế để đề nghị sửa chữa sai sót và làm thủ tục dự thi.

SỞ GDĐT.....MÃ SỞ: ☐☐

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phiếu số 1
(Lưu tại nơi nhận ĐKDT)

Số phiếu:

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ THI KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ, chữ đệm và tên của thí sinh *(Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)*

..... Giới tính *(Nữ ghi 1, Nam ghi 0)* ☐

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh ☐☐ ☐☐ ☐☐
(Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ô đầu) *Ngày* *Tháng* *Năm*

3. a) Nơi sinh *(tỉnh hoặc thành phố trực thuộc Trung ương; sau đây viết tắt là tỉnh/thành phố)*:.....

b) Dân tộc *(Ghi bằng chữ)*:.....

c) Quốc tịch nước ngoài ☐

4. Số Căn cước công dân/ Chứng minh nhân dân *(Ghi mỗi chữ số vào một ô)* ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐

5. Nơi thường trú: ☐☐ ☐☐ ☐☐ *Ghi rõ tên tỉnh/thành phố, huyện/quận, xã/phường vào dòng trống sau*
Mã tỉnh/thành phố *Mã huyện/quận* *Mã xã/phường*

.....

Nơi thường trú trên 18 tháng tại khu vực 1: ☐ *Nơi thường trú trên 18 tháng tại xã đặc biệt khó khăn:* ☐

6. Nơi học THPT hoặc tương đương *(Ghi tên và địa chỉ trường: huyện/quận, tỉnh/thành phố và ghi mã tỉnh, mã trường)*:

Năm lớp 10:..... ☐☐☐☐☐
Năm lớp 11:..... ☐☐☐☐☐
Năm lớp 12:..... ☐☐☐☐☐
Tên lớp 12:..... *Mã Tỉnh* *Mã Trường*

7. Điện thoại ..... **Email:** .....

8. Họ tên, điện thoại và địa chỉ người liên hệ:.....

.....

B. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THI

9. Thí sinh có dùng kết quả thi để xét tuyển sinh ĐH, CĐSP ☐

10. Thí sinh học chương trình THPT ☐ **Thí sinh học chương trình GDTX cấp THPT** ☐

11. Thí sinh tự do chưa tốt nghiệp THPT (1) ☐ **Thí sinh tự do đã tốt nghiệp THPT** (2) ☐

12. Dự thi tại Hội đồng thi:..... **Mã Hội đồng thi** ☐☐

13. Nơi ĐKDT:..... **Mã đơn vị ĐKDT** ☐☐☐

14. Đăng ký bài thi/môn thi *(Thí sinh đăng ký dự thi bài thi nào thì đánh dấu "X" vào ô bài thi tương ứng, riêng đối với bài thi Ngoại ngữ, thí sinh điền vào ô trống mã tương ứng với ngôn ngữ lựa chọn, cụ thể như sau: N1 - Tiếng Anh; N2 - Tiếng Nga; N3 - Tiếng Pháp; N4 - Tiếng Trung Quốc; N5 - Tiếng Đức; N6 - Tiếng Nhật; N7 - Tiếng Hàn).*

a) Đăng ký bài thi *(Thí sinh chỉ được đăng ký một bài thi tổ hợp KHTN hoặc KHXH)*:

Toán ☐ *Ngữ văn* ☐ *Ngoại ngữ* ☐ *KHTN* ☐ *KHXH* ☐

b) Đăng ký môn thi thành phần trong bài thi tổ hợp *(Chỉ dành cho thí sinh tự do không chọn dự thi toàn bài thi tổ hợp)*

Vật lí ☐ *Hóa học* ☐ *Sinh học* ☐ *Lịch sử* ☐ *Địa lí* ☐ *GDCD* ☐

15. Đăng ký miễn thi bài thi môn Ngoại ngữ trong xét công nhận tốt nghiệp THPT hoặc đăng ký để xét tuyển sinh: *(Thí sinh ghi loại chứng chỉ ngoại ngữ đủ điều kiện theo quy định hoặc ghi rõ là thành viên đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế môn Ngoại ngữ để được miễn thi)*: ..... **Điểm thi** *(Nếu Chứng chỉ có điểm thi, thí sinh ghi điểm vào ô này)*: ☐☐☐☐

16. Đăng ký bài/môn thi đề nghị bảo lưu để xét tốt nghiệp của thí sinh tự do *(Thí sinh ghi rõ điểm bài/môn thi đề nghị bảo lưu vào ô tương ứng)*:

Toán ☐ *Ngữ văn* ☐ *Lịch sử* ☐ *Địa lí* ☐ *GDCD* ☐☐
Vật lí ☐ *Hóa học* ☐ *Sinh học* ☐ *Ngoại ngữ* ☐

Ghi chú: (1) Người đã học xong chương trình cấp THPT nhưng chưa thi tốt nghiệp THPT hoặc đã thi nhưng chưa tốt nghiệp THPT ở những năm trước;
(2) Người đã có bằng tốt nghiệp THPT, có bằng tốt nghiệp trung cấp dự thi để lấy kết quả làm cơ sở đăng ký xét tuyển sinh.

C. CAM ĐOAN VÀ XÁC NHẬN

Tôi xin cam đoan những lời khai trong Phiếu ĐKDT này là đúng sự thật. Nếu sai, tôi xin chịu xử lý theo các quy định hiện hành.

Ngày tháng năm 20.....
Thí sinh ký và ghi rõ họ tên

SỞ GDĐT.....MÃ SỞ: ☐☐

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phiếu số 2
(Giao lại cho thí sinh)

Số phiếu:

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ THI KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ, chữ đệm và tên của thí sinh *(Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)*

..... Giới tính *(Nữ ghi 1, Nam ghi 0)* ☐

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh ☐☐ ☐☐ ☐☐

(Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ô đầu) *Ngày* *Tháng* *Năm*

3. a) Nơi sinh *(tỉnh hoặc thành phố trực thuộc Trung ương; sau đây viết tắt là tỉnh/thành phố)*:.....

b) Dân tộc *(Ghi bằng chữ)*:.....

c) Quốc tịch nước ngoài ☐

4. Số Căn cước công dân/ Chứng minh nhân dân *(Ghi mỗi chữ số vào một ô)* ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐

5. Nơi thường trú: ☐☐ ☐☐ ☐☐ *Ghi rõ tên tỉnh/thành phố, huyện/quận, xã/phường vào dòng trống sau:*

Mã tỉnh/thành phố *Mã huyện/quận* *Mã xã/phường*

.....

Nơi thường trú trên 18 tháng tại khu vực 1: ☐ *Nơi thường trú trên 18 tháng tại xã đặc biệt khó khăn:* ☐

6. Nơi học THPT hoặc tương đương *(Ghi tên và địa chỉ trường: huyện/quận, tỉnh/thành phố và ghi mã tỉnh, mã trường)*:

Năm lớp 10:..... ☐☐☐☐☐

Năm lớp 11:..... ☐☐☐☐☐

Năm lớp 12:..... ☐☐☐☐☐

Tên lớp 12:..... *Mã Tỉnh* *Mã Trường*

7. Điện thoại ..... **Email:** .....

8. Họ tên, điện thoại và địa chỉ người liên hệ:.....

.....

B. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THI

9. Thí sinh có dùng kết quả thi để xét tuyển sinh ĐH, CĐSP ☐

10. Thí sinh học chương trình THPT ☐ **Thí sinh học chương trình GDTX cấp THPT** ☐

11. Thí sinh tự do chưa tốt nghiệp THPT (1) ☐ **Thí sinh tự do đã tốt nghiệp THPT (2)** ☐

12. Dự thi tại Hội đồng thi:..... **Mã Hội đồng thi** ☐☐

13. Nơi ĐKDT:..... **Mã đơn vị ĐKDT** ☐☐☐

14. Đăng ký bài thi/môn thi *(Thí sinh đăng ký dự thi bài thi nào thì đánh dấu "X" vào ô bài thi tương ứng, riêng đối với bài thi Ngoại ngữ, thí sinh điền vào ô trống mã tương ứng với ngôn ngữ lựa chọn, cụ thể như sau: N1 - Tiếng Anh; N2 - Tiếng Nga; N3 - Tiếng Pháp; N4 - Tiếng Trung Quốc; N5 - Tiếng Đức; N6 - Tiếng Nhật; N7 - Tiếng Hàn).*

a) Đăng ký bài thi *(Thí sinh chỉ được đăng ký một bài thi tổ hợp KHTN hoặc KHXH)*:

Toán ☐ *Ngữ văn* ☐ *Ngoại ngữ* ☐ *KHTN* ☐ *KHXH* ☐

b) Đăng ký môn thi thành phần trong bài thi tổ hợp *(Chỉ dành cho thí sinh tự do không chọn dự thi toàn Bài thi tổ hợp)*

Vật lí ☐ *Hóa học* ☐ *Sinh học* ☐ *Lịch sử* ☐ *Địa lí* ☐ *GDCD* ☐

15. Đăng ký miễn thi bài thi môn Ngoại ngữ trong xét công nhận tốt nghiệp THPT hoặc đăng ký để xét tuyển sinh: *(Thí sinh ghi loại chứng chỉ ngoại ngữ đủ điều kiện theo quy định hoặc ghi rõ là thành viên đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế môn Ngoại ngữ để được miễn thi)*:..... **Điểm thi** *(Nếu Chứng chỉ có điểm thi, thí sinh ghi điểm vào ô này)*: ☐☐☐☐

16. Đăng ký bài/môn thi đề nghị bảo lưu để xét tốt nghiệp của thí sinh tự do *(Thí sinh ghi rõ điểm bài/môn thi xin đề nghị bảo lưu vào ô tương ứng)*:

Toán ☐☐☐☐ *Ngữ văn* ☐☐☐☐ *Lịch sử* ☐☐☐☐ *Địa lí* ☐☐☐☐ *GDCD* ☐☐☐☐

Vật lí ☐☐☐☐ *Hóa học* ☐☐☐☐ *Sinh học* ☐☐☐☐ *Ngoại ngữ* ☐☐☐☐

Ghi chú: (1) Người đã học xong chương trình cấp THPT nhưng chưa thi tốt nghiệp THPT hoặc đã thi nhưng chưa tốt nghiệp THPT ở những năm trước;
(2) Người đã có bằng tốt nghiệp THPT, có bằng tốt nghiệp trung cấp dự thi để lấy kết quả làm cơ sở đăng ký xét tuyển sinh.

C. CAM ĐOAN VÀ XÁC NHẬN

Tôi xin cam đoan những lời khai trong Phiếu ĐKDT này là đúng sự thật. Nếu sai, tôi xin chịu xử lý theo các quy định hiện hành.

Ngày tháng năm 20.....
Thí sinh ký và ghi rõ họ tên

Ngày tháng năm 20.....
LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ DỰ THI
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ THI KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT

Mục SỞ GDĐT..... MÃ SỞ: Thí sinh đăng ký tại đơn vị đăng ký dự thi thuộc Sở GDĐT nào thì ghi tên Sở GDĐT vào vị trí trống, sau đó điền 2 chữ số biểu thị mã Sở GDĐT vào 2 ô trống tiếp theo, mã Sở GDĐT do Bộ GDĐT quy định.

Mục Số phiếu: Nơi tiếp nhận đăng ký dự thi ghi, thí sinh không ghi mục này.

Mục 1, 2: Ghi theo hướng dẫn trên Phiếu đăng ký dự thi kỳ thi tốt nghiệp THPT (sau đây gọi tắt là Phiếu ĐKDT).

Mục 3: a) Nơi sinh của thí sinh chỉ cần ghi rõ tên tỉnh hoặc thành phố trực thuộc Trung ương (tỉnh/thành phố), nếu sinh ở nước ngoài thí sinh chỉ cần ghi rõ tên quốc gia (theo tiếng Việt Nam). **b) Dân tộc** ghi đúng theo giấy khai sinh. **c) Quốc tịch nước ngoài** thì đánh dấu (X) vào ô bên cạnh.

Mục 4: Số Căn cước công dân, số Chứng minh nhân dân, mã số định danh cá nhân và số Hộ chiếu được viết chung là Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân (CCCD/CMND) tại mục này. Đối với CCCD/CMND mẫu mới, ghi đủ 12 chữ số vào các ô tương ứng; đối với CMND mẫu cũ, ghi 9 chữ số vào 9 ô cuối bên phải, ba ô đầu để trống.

Mục 5: Mã tỉnh/thành phố, mã huyện/quận và mã xã/phường chỉ đối với các xã/phường thuộc Khu vực 1 sẽ do Bộ GDĐT quy định. Thí sinh cần tra cứu tại nơi đăng ký dự thi để ghi đúng mã tỉnh/thành phố, mã huyện/quận, mã xã/phường nơi thí sinh có nơi thường trú hiện tại vào các ô tương ứng ở bên phải. Thí sinh không có nơi thường trú tại xã Khu vực 1 thì bỏ trống ô mã xã. Sau khi điền đủ các mã đơn vị hành chính vào các ô, thí sinh ghi rõ tên xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố vào dòng trống. Đối với thí sinh thuộc diện ưu tiên đối tượng hoặc khu vực có liên quan đến nơi thường trú, đề nghị phải khẳng định thời gian có nơi thường trú trên 18 tháng tại khu vực 1 hoặc trên 18 tháng ở xã đặc biệt khó khăn, xã có thôn đặc biệt khó khăn trong thời gian học THPT bằng cách đánh dấu vào ô tương ứng.

Mục 6: Ghi tên trường và địa chỉ đến huyện/quận, tỉnh/thành phố của trường vào dòng kẻ chấm. Ghi mã tỉnh nơi trường đóng vào 2 ô đầu, ghi mã trường vào 3 ô tiếp theo (mã trường ghi theo quy định của Sở GDĐT, nếu mã trường có 1 chữ số thì 2 ô đầu tiên ghi số 0, nếu mã trường có 2 chữ số thì ô đầu tiên ghi số 0). Đối với thí sinh là công an, quân nhân được cử tham gia dự thi để xét tuyển ĐH, CĐSP thì ghi mã tỉnh/thành phố tương ứng với tỉnh nơi đóng quân và mã trường THPT là 900. Đối với thí sinh có thời gian học ở nước ngoài thì những năm học ở nước ngoài ghi mã tỉnh/thành phố tương ứng với tỉnh/thành phố theo nơi thường trú tại Việt Nam và mã trường THPT là 800. Mục tên lớp: ghi rõ tên lớp 12 nơi học sinh đang học (ví dụ 12A1, 12A2,...), đối với thí sinh tự do ghi "TDO".

Mục 7: Ghi rõ điện thoại, email. Đối với thí sinh có yêu cầu điều chỉnh đăng ký xét tuyển tuyển sinh trực tuyến, cần đăng ký số điện thoại di động của mình để được cấp mật khẩu sử dụng một lần (OTP) qua tin nhắn đảm bảo cho sự bảo mật khi đăng ký xét tuyển trực tuyến.

Mục 8: Thí sinh phải ghi rõ thông tin của người liên hệ: họ tên; số điện thoại; địa chỉ xóm (số nhà), thôn (đường phố, ngõ ngách), xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố. Địa chỉ này đồng thời là địa chỉ nhận Giấy báo trúng tuyển nếu thí sinh trúng tuyển.

Mục 9: Thí sinh có nguyện vọng lấy kết quả dự thi để xét tuyển sinh đại học; cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non thì đánh dấu (X) vào ô bên cạnh.

Mục 10: Thí sinh bắt buộc phải đánh dấu (X) vào một trong 2 ô để biểu thị rõ thí sinh học theo chương trình THPT hay chương trình GDTX cấp THPT.

Mục 11: Đối với thí sinh tự do phải đánh dấu (X) vào một trong 2 ô để phân biệt rõ là thí sinh tự do chưa tốt nghiệp THPT hay đã tốt nghiệp THPT (tính đến thời điểm dự thi).

Mục 12: Thí sinh đăng ký dự thi tại Hội đồng thi nào thì ghi tên Hội đồng thi và mã Hội đồng thi do Bộ GDĐT quy định vào vị trí tương ứng.

Mục 13: Học sinh đang học lớp 12 THPT tại trường nào thì nộp ĐKDT tại trường đó. Các đối tượng khác nộp ĐKDT tại các địa điểm do Sở GDĐT quy định. Mã đơn vị ĐKDT ghi theo hướng dẫn của nơi nhận ĐKDT.

Mục 14: Đối với thí sinh hiện đang là học sinh lớp 12 (chưa tốt nghiệp THPT) phải đăng ký bài thi tại điểm **a**, thí sinh không được phép chọn các môn thi thành phần ở điểm **b**. Đối với thí sinh tự do, tùy theo mục đích dự thi, tùy theo việc lựa chọn tổ hợp môn xét tuyển đại học, cao đẳng có thể chọn cả bài thi (tại điểm **a**) hoặc chỉ chọn một số môn thành phần (tại điểm **b**) cho phù hợp. Thí sinh chỉ được đăng ký một bài thi tổ hợp (KHTN hoặc KHXH). Thí sinh tự do chỉ được đăng ký môn thi thành phần trong cùng một bài thi tổ hợp. Trường hợp thí sinh tự do chưa tốt nghiệp THPT có những bài thi/môn thi (để xét công nhận tốt nghiệp THPT) năm trước đủ điều kiện bảo lưu, nếu muốn bảo lưu bài thi/môn thi nào thì phải ghi điểm bài thi/môn thi đó ở **Mục 16**. Tuy nhiên, thí sinh vẫn có thể chọn thi bài thi/môn thi thành phần (đã đề nghị bảo lưu) để lấy kết quả xét tuyển sinh đại học, cao đẳng. Đối với thí sinh học theo chương trình GDTX có thể chọn bài thi Ngoại ngữ nếu có nguyện vọng sử dụng môn Ngoại ngữ trong tổ hợp môn xét tuyển sinh đại học, cao đẳng.

Cách chọn bài thi/môn thi thành phần: Thí sinh đăng ký dự thi bài thi/môn thi thành phần nào thì đánh dấu (X) vào ô bài thi/môn thi thành phần tương ứng, riêng đối với bài thi Ngoại ngữ thí sinh điền mã số tương ứng với ngôn ngữ cụ thể như sau: **N1** – Tiếng Anh; **N2** – Tiếng Nga; **N3** – Tiếng Pháp; **N4** – Tiếng Trung Quốc; **N5** – Tiếng Đức; **N6** – Tiếng Nhật; **N7** – Tiếng Hàn. Thí sinh chỉ được chọn các môn thi thành phần trong một bài thi tổ hợp.

Mục 15: Đối với thí sinh có nguyện vọng miễn thi bài thi môn Ngoại ngữ, cần ghi rõ loại chứng chỉ đủ điều kiện miễn thi hoặc ghi rõ là thành viên đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế môn Ngoại ngữ theo quy định của Bộ GDĐT Đối với loại chứng chỉ có ghi điểm thi (điểm toàn bài thi), thí sinh phải ghi điểm vào ô "**Điểm thi**".

Ví dụ:15. Đăng ký miễn thi bài thi Ngoại ngữ trong xét công nhận tốt nghiệp THPT hoặc đăng ký để tuyển sinh: *(Thí sinh ghi loại chứng chỉ ngoại ngữ đủ điều kiện theo quy định hoặc ghi rõ là thành viên đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế môn Ngoại ngữ để được miễn thi):* TOEFL ITP **Điểm thi** *(Nếu Chứng chỉ có điểm thi, thí sinh ghi điểm)*: 450

Mục 16: Thí sinh đã dự thi THPT năm trước, nếu có những bài thi/môn thi đủ điều kiện bảo lưu theo quy định, thí sinh muốn bảo lưu điểm của bài thi/môn thi nào thì ghi điểm bài thi/môn thi đó vào ô tương ứng (Lưu ý: Đối với bài thi tổ hợp, thí sinh được quyền bảo lưu kết quả của từng môn thi thành phần nếu đủ điều kiện, để bảo lưu điểm toàn bài của bài thi tổ hợp nào, thí sinh phải ghi điểm của tất cả các môn thi thành phần của bài thi tổ hợp đó). Đối với những bài thi/môn thi được bảo lưu, thí sinh vẫn có thể đăng ký dự thi (bài thi hoặc môn thi thành phần) ở **Mục 14** chỉ trong trường hợp có nguyện vọng sử dụng kết quả thi xét tuyển sinh đại học, cao đẳng./.

Mục 24, 25, 26, 27 trên phần mềm: Thí sinh đăng ký dự thi để lấy kết quả xét tuyển ĐH, CĐ Ngành Giáo dục Mầm non phải điền các thông tin vào các mục này. Đối với Mục 24, thí sinh phải khai báo trên phần mềm đầy đủ, đúng các thông tin kèm minh chứng theo quy định và hướng dẫn tại Phụ lục XVII để hưởng ưu tiên trong xét tuyển sinh ĐH, CĐ.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phụ lục IV

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP THPT

(Kèm theo Công văn số 1277 /BGDĐT-QLCL ngày 22 /3/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

SỞ GDĐT..... MÃ SỞ: ☐☐

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số phiếu: ☐

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP THPT

(Thí sinh dự thi chỉ để lấy kết quả xét tuyển sinh ĐH, CĐ thì KHÔNG PHẢI khai Phiếu này; Thí sinh nộp Phiếu này tại nơi nộp Phiếu đăng ký dự thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ, chữ đệm và tên của thí sinh *(Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)*

.....Giới *(Nữ ghi 1, Nam ghi 0)* ☐

2. Ngày, tháng và 02 số cuối của năm sinh ☐☐ ☐☐ ☐☐

(Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ô bên trái) *Ngày* *Tháng* *Năm*

3. Nơi sinh *(Tỉnh hoặc thành phố)*: .....

4. Dân tộc *(Ghi bằng chữ)*: .....

5. Số Căn cước công dân/ Chứng minh nhân dân/ *(Ghi mỗi số vào một ô)* ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐

6. Thí sinh tự do (*Đánh dấu "X" vào ô tương ứng nếu là thí sinh tự do)* ☐

7. Mã số định danh trên CSDL ngành ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐

B. THÔNG TIN ĐỂ XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP THPT

8. Điểm trung bình cả năm lớp 12: .....

9. Xếp loại cuối năm lớp 12: Hạnh kiểm:..... Học lực:..... .....

10. Hình thức giáo dục phổ thông: *(Đánh dấu "X" vào ô tương ứng)* THPT ☐ GDTX ☐

Đối với hình thức GDTX, ghi rõ năm hoàn thành chương trình GDTX cấp THPT ☐☐☐☐

11. Đối tượng miễn thi tốt nghiệp: *(Đánh dấu "X" vào ô tương ứng nếu thuộc đối tượng miễn thi tốt nghiệp)* ☐

12. Điểm khuyến khích được cộng thêm:

- Chứng nhận nghề hoặc Bằng tốt nghiệp trung cấp, xếp loại :....., điểm cộng: .....
- Đoạt giải trong các kỳ thi (chọn giải cao nhất) do ngành Giáo dục tổ chức hoặc phối hợp với các ngành chuyên môn khác từ cấp tỉnh trở lên tổ chức ở cấp THPT, gồm:

  + Thi học sinh giỏi các môn văn hoá: giải ....., điểm cộng:.....;

  + Thi thí nghiệm thực hành (Vật lí, Hoá học, Sinh học), thi văn nghệ; thể dục thể thao; hội thao giáo dục quốc phòng; cuộc thi khoa học kỹ thuật; viết thư quốc tế: giải ....., điểm cộng:.....
- Chứng chỉ ngoại ngữ trình độ: ....., điểm cộng: .....
- Chứng chỉ tin học trình độ: ....., điểm cộng: .....
- Tổng điểm được cộng thêm : .....(không quá 04 điểm)

13. Diện ưu tiên xét tốt nghiệp *(Ghi kí hiệu theo diện trong hướng dẫn)*: ..... ☐

C. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Học bạ:.....	Có	☐	không	☐
2. Giấy khai sinh *(bản sao)*:.....	Có	☐	không	☐
3. Bằng tốt nghiệp THCS hoặc trung cấp *(bản sao)*:..	Có	☐	không	☐
4. Chứng nhận miễn thi tốt nghiệp:.....	Có	☐	không	☐
5. Chứng chỉ để miễn thi ngoại ngữ:.....	Có	☐	không	☐

6. Giấy chứng nhận nghề:..... Có ☐ không ☐
7. Giấy chứng nhận đoạt giải trong các kỳ thi:... Có ☐ không ☐
8. Chứng chỉ ngoại ngữ *(GDTX)*: ..... Có ☐ không ☐
9. Chứng chỉ tin học *(GDTX)*:..... Có ☐ không ☐
10. Giấy xác nhận điểm bảo lưu:..... Có ☐ không ☐
11. Giấy tờ khác (nếu có):..... .....

D. CAM ĐOAN

Tôi cam đoan những lời khai trong Phiếu đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu xử lý theo các quy định hiện hành.

Ghi chú: *Sau ngày thi, mọi yêu cầu sửa đổi bổ sung nội dung lời khai sẽ không được chấp nhận.*	*Ngày tháng năm 2024*	*Ngày tháng năm 2024*
Ngày tháng năm 2024.	**Người nhận**	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ ĐKDT**
Thí sinh ký và ghi rõ họ tên	*(Ký, ghi rõ họ và tên)*	*(Ký tên và đóng dấu)*
	.....	.....
	.....	.....

Mặt sau:

HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

I. DIỆN ƯU TIÊN XÉT TỐT NGHIỆP THPT

Thí sinh thuộc một trong các diện:

1. Diện 1: ***Không được cộng điểm ưu tiên.***

Còn gọi là diện bình thường. *Ký hiệu*: **D1**

2. Diện 2: ***Cộng 0,25 điểm đối với thí sinh thuộc một trong những đối tượng sau:***

- Thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh suy giảm khả năng lao động dưới 81% (chỉ với GDTX); Con của thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động. *Ký hiệu*: **D2-TB2**
- Con Anh hùng lực lượng vũ trang, con Anh hùng lao động, con Bà mẹ VN anh hùng. *Ký hiệu*: **D2-CAH**
- Người dân tộc thiểu số. *Ký hiệu:* **D2-TS2**
- Người Kinh, người nước ngoài cư trú tại Việt Nam có nơi thường trú trong thời gian học cấp THPT từ 03 năm trở lên (tính đến ngày thi) ở xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư của chương trình 135 theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ (tính từ thời điểm các xã này hoàn thành Chương trình 135 trở về trước); xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; ở xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc, học tại các trường phổ thông không nằm trên địa bàn các quận của các thành phố trực thuộc Trung ương ít nhất hai phần ba thời gian học cấp THPT. *Ký hiệu*: **D2-VS2**
- Người bị nhiễm chất độc hóa học; con của người bị nhiễm chất độc hóa học; con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; người được cơ quan có thẩm quyền công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt hoặc lao động do hậu quả của chất độc hoá học. *Ký hiệu*: **D2-CHH**
- Có tuổi đời từ 35 tuổi trở lên, tính đến ngày thi (đối với thí sinh GDTX). *Ký hiệu*: **D2-T35**

3. Diện 3: ***Cộng 0,5 điểm đối với thí sinh thuộc một trong những đối tượng sau:***

- Người dân tộc thiểu số có nơi thường trú trong thời gian học cấp THPT từ 03 năm trở lên ở xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư của chương trình 135 Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ (tính từ thời điểm các xã này hoàn thành Chương trình 135 trở về trước); xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc, học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú hoặc học tại các trường phổ thông không nằm trên địa bàn các quận của các thành phố trực thuộc Trung ương. *Ký hiệu:* **D3-TS3**
- Thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên (đối với GDTX). *Ký hiệu*: **D3-TB3**
- Con của liệt sĩ; con của thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên. *Ký hiệu*: **D3-CLS**

** Thí sinh có nhiều tiêu chuẩn ưu tiên thì chỉ hưởng theo tiêu chuẩn cao nhất.*

II. ĐIỂM KHUYẾN KHÍCH

1. Đoạt giải cá nhân kỳ thi học sinh giỏi bộ môn văn hoá lớp 12:

- Giải nhất, nhì, ba cấp quốc gia hoặc giải nhất cấp tỉnh: 2,0 điểm.
- Giải khuyến khích cấp quốc gia hoặc giải nhì cấp tỉnh: 1,5 điểm.
- Giải ba cấp tỉnh: 1,0 điểm.

2. Đoạt giải cá nhân và đồng đội trong các kỳ thi thí nghiệm thực hành môn Vật lí, Hoá học, Sinh học; thi văn nghệ; thể dục thể thao; hội thao giáo dục quốc phòng; cuộc thi khoa học kỹ thuật; viết thư quốc tế do ngành Giáo dục tổ chức hoặc phối hợp với các ngành chuyên môn từ cấp tỉnh trở lên tổ chức ở cấp THPT:

- Giải nhất, nhì, ba quốc gia hoặc giải nhất cấp tỉnh hoặc Huy chương Vàng: 2,0 điểm.
- Giải khuyến khích quốc gia hoặc giải nhì cấp tỉnh hoặc giải tư cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia hoặc Huy chương Bạc: 1,5 điểm.
- Giải ba cấp tỉnh hoặc Huy chương Đồng: 1,0 điểm.

** Giải đồng đội chỉ tính cho giải quốc gia, mức điểm cộng thêm giống như giải cá nhân.*

** Học sinh đạt nhiều giải khác nhau thì chỉ được hưởng mức cộng điểm của giải cao nhất.*

3. Được cấp Giấy chứng nhận nghề (CCN) hoặc có Bằng tốt nghiệp trung cấp (BTC):

- Loại giỏi (CCN)/loại xuất sắc và giỏi (BTC): 2,0 điểm.
- Loại khá (CCN)/loại khá và trung bình khá (BTC): 1,5 điểm.
- Loại trung bình: 1,0 điểm.

4. Học viên GDTX có chứng chỉ Ngoại ngữ A hoặc bậc 1 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trở lên; chứng chỉ Tin học A hoặc chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản trở lên: được cộng thêm 1,0 điểm cho mỗi loại chứng chỉ.

** Điểm khuyến khích tối đa của các mục 1,2,3,4 trên không quá 4,0 điểm.*

** Điểm khuyến khích quy định của các mục 1,2,3,4 trên được bảo lưu trong toàn cấp học./.*

III. LƯU Ý: Thí sinh tự do tại Mục 6 là thí sinh thuộc điểm b khoản 1 Điều 12 Quy chế thi; Mục 7 trên phiếu đăng ký chỉ dành cho thí sinh là học sinh đang học lớp 12 trong năm tổ chức thi,"Mã số định danh trên CSDL toàn ngành" do các trường phổ thông cung cấp.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phụ lục V

PHIẾU CHẤM CBChT 2, PHIẾU THỐNG NHẤT ĐIỂM

(Kèm theo Công văn số 1277/BGDĐT-QLCL ngày 22 /3/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

MẪU SỐ 1

KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM .....
HỘI ĐỒNG THI .....

PHIẾU CHẤM (Dành cho CBChT 2)
Môn:..... - .....

Túi số:..... Số phách: Từ..... đến.....

TT	Số phách	Điểm chấm của CBChT 2				Điểm chấm của CBChT 1*	Ghi chú
		C1	C2	C...	Tổng		
1.							
2.							
3.							

CBChT 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm .....
THƯ KÝ
(Ký và ghi rõ họ tên)

***Ghi chú:** *Sau khi CBChT 2 đã chấm và ghi điểm vào Phiếu này, Thư ký mới ghi điểm chấm của CBChT 1 để so sánh.*

MẪU SỐ 2

KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM .....
HỘI ĐỒNG THI .....

PHIẾU THỐNG NHẤT ĐIỂM
Môn:..... - .....

Túi số:.....

TT	Số phách	Điểm chấm của		Điểm thống nhất		Ghi chú
		CBChT 1	CBChT 2	Bằng số	Bằng chữ	
1						
2						
3						
....						

CBChT 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

CBChT 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG MÔN/TỔ TRƯỞNG TỔ CHẤM THI
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG BAN CHẤM THI
(Ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phụ lục VI

MẪU NHÃN NIÊM PHONG

(Kèm theo Công văn số 1277/BGDĐT-QLCL ngày 22/3/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

- Nội dung, kích thước ghi trên hình dưới đây:

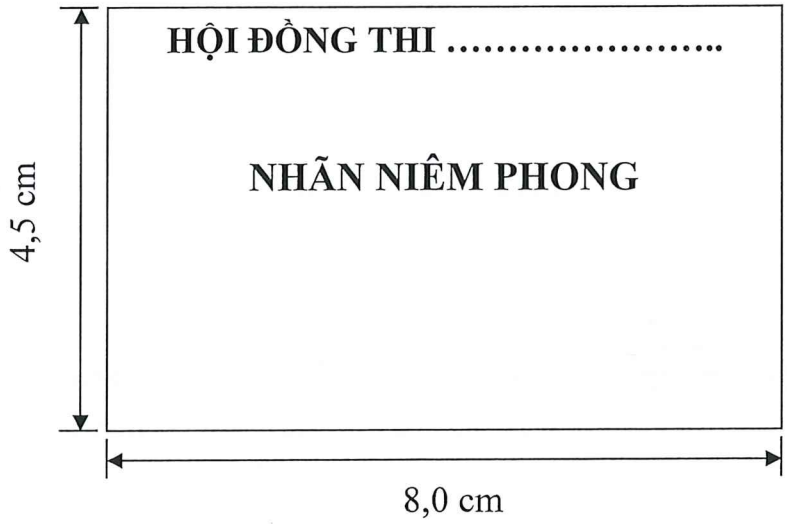

- Loại giấy pelure, mỏng, độ bám dính cao, khi bóc ra là rách

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phụ lục VII

MẪU ĐĂNG KÝ CHỮ KÝ

(Kèm theo Công văn số 1277/BGDĐT-QLCL ngày 22/3/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

MẪU SỐ 1

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO …
HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP THPT

ĐĂNG KÝ MẪU CHỮ KÝ
NHỮNG NGƯỜI THAM GIA CÔNG TÁC COI THI

Mã Điểm thi:..... **Tên Điểm thi:**.....

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Nhiệm vụ được giao (*)	Mẫu chữ ký (lần 1)	Mẫu chữ ký (lần 2)

…..., ngày tháng năm
THƯ KÝ ĐIỂM THI
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG ĐIỂM THI
(Ghi rõ họ tên, ký và đóng dấu)

MẪU SỐ 2

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO …
HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP THPT

ĐĂNG KÝ MẪU CHỮ KÝ
NHỮNG NGƯỜI THAM GIA CÔNG TÁC CHẤM THI (TỰ LUẬN/TRẮC NGHIỆM)(*)

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Nhiệm vụ được giao (**)	Mẫu chữ ký (lần 1)	Mẫu chữ ký (lần 2)

…..., ngày tháng năm
THƯ KÝ HỘI ĐỒNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG BAN …..

(Ghi rõ họ tên, ký và đóng dấu)

Ghi chú:

(*) Mỗi Ban Chấm thi (Tự luận/Trắc nghiệm) lập 01 Danh sách;

(**) Nhiệm vụ được giao ghi rõ là Trưởng/Phó Trưởng ban Chấm thi (TL/TN), Trưởng môn chấm thi, Phó Trưởng môn chấm thi, Tổ trưởng Tổ chấm thi, Cán bộ chấm thi, Thư ký, Tổ trưởng Tổ thư ký, Tổ trưởng Tổ Chấm BTTN, kỹ thuật, Tổ trưởng Tổ Giám sát, Cán bộ giám sát.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phụ lục VIII

QUY CÁCH VÀ MẪU PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

(Kèm theo Công văn số 1277/BGDĐT-QLCL ngày 22/3/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Quy cách Phiếu trả lời trắc nghiệm:

- Kích thước thành phẩm:

+ Chiều dọc trong khoảng: 295-297mm;

+ Chiều ngang trong khoảng: 205-210mm;

- Loại giấy: Định lượng 100-120 g/m^2, độ trắng sáng 92-95%.

- In 02 màu:

+ Màu đen mật độ TRAM 100%;

+ Màu đỏ: các đường kẻ (ngang, dọc, các ô tròn và chữ trong ô tròn) mật độ TRAM 100%, nền mật độ TRAM 10%.

- Các điểm định vị gồm:

+ Định vị đề mã đề thi, định vị số báo danh;

+ Định vị 04 góc;

+ Định vị dọc, ngang các phương án trả lời;

+ Màu của các điểm định vị: màu đen mật độ TRAM 100%;

+ Các điểm/nút định vị 04 góc, định vị mã đề thi, định vị số báo danh, định vị dọc phải cách mép giấy tối thiểu 4,5 mm.

- Phiếu TLTN phải bảo đảm chính xác các điểm định vị và khổ giấy (được in bằng kỹ thuật in bảo đảm chất lượng, đồng đều và chính xác ví dụ như in offset; không sử dụng phiếu được in bằng hình thức photocopy hoặc máy in màu).

2. Phiếu trả lời trắc nghiệm:

Mẫu sau đây thể hiện các thông tin cần thiết trong Phiếu TLTN, khi in Phiếu TLTN để sử dụng trong Kỳ thi, các sở GDĐT cần in theo đúng quy cách với thông số kỹ thuật nêu tại khoản 1 Phụ lục này.

- Mặt trước:

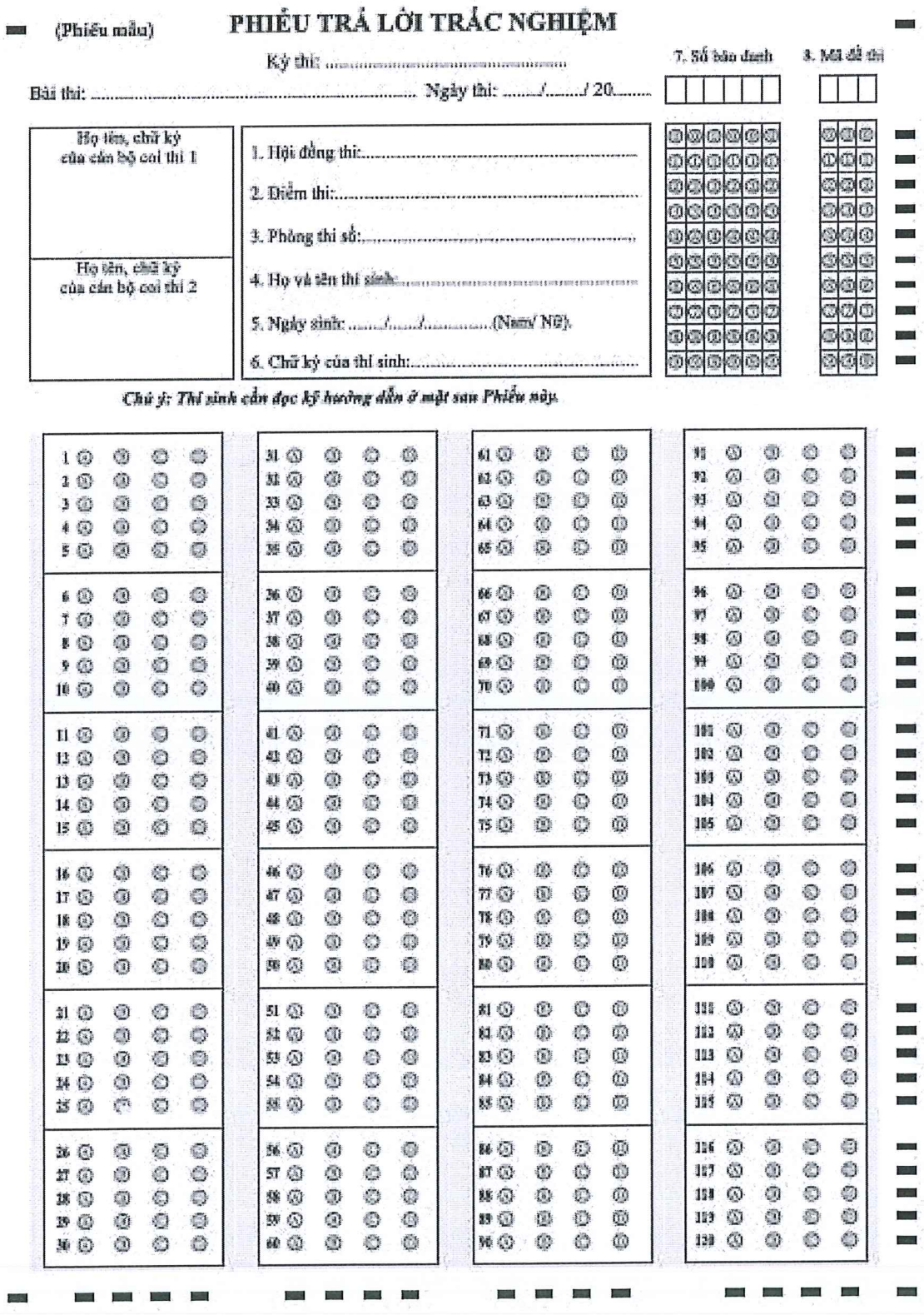

(Phiếu mẫu)

PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

Kỳ thi: .....

Bài thi: ..... Ngày thi: ...../...../ 20.....

7. Số báo danh

8. Mã đề thi

Họ tên, chữ ký của cán bộ coi thi 1

Họ tên, chữ ký của cán bộ coi thi 2

1. Hội đồng thi:.....

2. Điểm thi:.....

3. Phòng thi số:.....

4. Họ và tên thí sinh:.....

5. Ngày sinh: ...../...../..... (Nam/ Nữ).

6. Chữ ký của thí sinh:.....

Chú ý: Thí sinh cần đọc kỹ hướng dẫn ở mặt sau Phiếu này.

- Mặt sau:

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

1) Thí sinh cần giữ Phiếu cho phẳng, không bôi bẩn, không làm nhàu, rách nát;
2) Ghi đầy đủ, rõ ràng các mục từ mục 1 đến mục 8;
3) Số báo danh ghi tại mục 7 là 6 chữ số cuối;
4) Tại mục 7 và 8, ngoài việc ghi chữ số vào ô trống, thí sinh nhất thiết phải tô kín các ô tròn trong bảng số phía dưới tương ứng với chữ số đã ghi;
5) Phần trả lời: Số thứ tự các phương án trả lời (A, B, C, D) là tương ứng với thứ tự câu hỏi trắc nghiệm trong đề thi. Đối với mỗi câu trắc nghiệm, thí sinh chọn và tô kín một ô tròn tương ứng với một phương án trả lời mà thí sinh cho là đúng;
6) Thí sinh không được tô vào phương án có số thứ tự không tương ứng với câu hỏi trắc nghiệm trong đề thi.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phụ lục IX

QUY CÁCH VÀ MẪU GIẤY THI TỰ LUẬN

(Kèm theo Công văn số 1277/BGDĐT-QLCL ngày 22/3/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

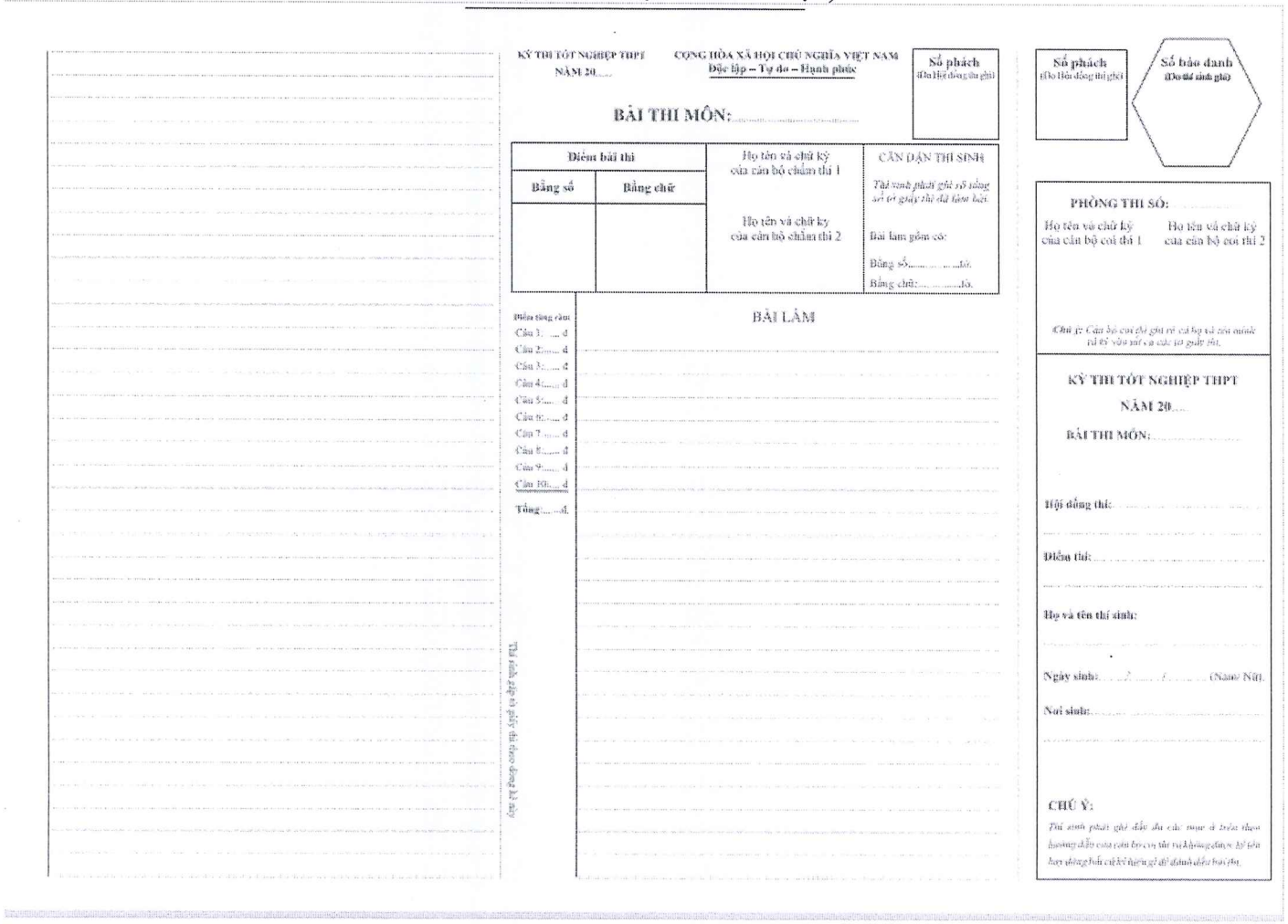

KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT
NĂM 20....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số phách
(Do Hội đồng thi ghi)

BÀI THI MÔN: .....

Điểm bài thi	
Bằng số	Bằng chữ

Họ tên và chữ ký của cán bộ chấm thi 1

Họ tên và chữ ký của cán bộ chấm thi 2

CẦN DẶN THÍ SINH

Thí sinh phải ghi rõ tổng số tờ giấy thi đã làm bài.

Bài làm gồm có:

Bằng số:..... ...tờ.

Bằng chữ:..... ...tờ.

Điểm từng câu:
Câu 1: ... đ
Câu 2:..... đ
Câu 3:..... đ
Câu 4:..... đ
Câu 5:..... đ
Câu 6:..... đ
Câu 7 ..... đ
Câu 8:..... đ
Câu 9:..... đ
Câu 10:.... đ
Tổng:.....đ.

BÀI LÀM

Cán bộ chấm thi không được ký vào phần này

Số phách
(Do Hội đồng thi ghi)

Số báo danh
(Do thí sinh ghi)

PHÒNG THI SỐ: .....

Họ tên và chữ ký của cán bộ coi thi 1

Họ tên và chữ ký của cán bộ coi thi 2

Chú ý: Cán bộ coi thi ghi rõ cả họ và tên mình và ký vào từ 2 đến 3 tờ giấy thi.

KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT
NĂM 20....

BÀI THI MÔN: .....

Hội đồng thi: .....

Điểm thi: .....

Họ và tên thí sinh: .....

Ngày sinh: ../../..... (Nam/ Nữ)

Nơi sinh: .....

CHÚ Ý:

Thí sinh phải ghi đầy đủ các mục ở trên theo hướng dẫn của cán bộ coi thi và không được tự ý làm bất cứ điều gì khác vào giấy thi, kể cả việc ghi thêm hoặc xóa bớt.

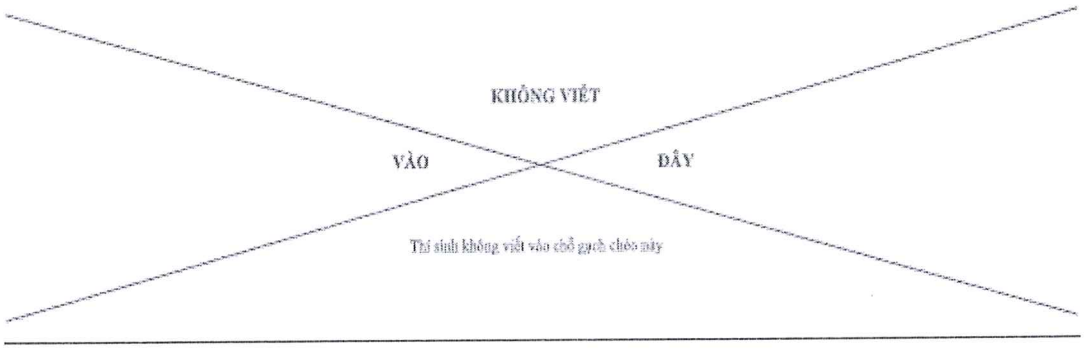
KHÔNG VIẾT
VÀO
ĐÂY
Thí sinh không viết vào chỗ gạch chéo này

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phụ lục X

BÁO CÁO HOÀN THÀNH VIỆC CHUẨN BỊ, LẮP ĐẶT THIẾT BỊ, CÀI ĐẶT PHẦN MỀM CHẤM THI TRẮC NGHIỆM

(Kèm theo Công văn số 1277 /BGDĐT-QLCL ngày 22/3/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

.....	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
SỞ GDĐT.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số ...../BC-.....

BÁO CÁO
CHUẨN BỊ CHẤM THI TRẮC NGHIỆM

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo
(qua Cục Công nghệ thông tin)

Ngày / /2024, Sở GDĐT tỉnh/thành phố ..... đã hoàn thành các bước chuẩn bị chấm thi trắc nghiệm cho Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024, cụ thể như sau:

1. Dự kiến số phiếu TLTN sẽ được chấm: .....
2. Đã kết nối mạng LAN cho máy chủ và máy trạm bảo đảm các yêu cầu theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.
3. Cấu hình máy chủ:
   a. CPU:
   b. RAM:
   c. Ổ cứng:
   d. Ổ ghi CD/DVD:
4. Cấu hình các máy trạm (liệt kê đủ cấu hình từng máy trạm):
   a. CPU:
   b. RAM:
   c. Ổ cứng:
5. Cấu hình các máy quét ảnh (liệt kê đủ cấu hình từng máy quét ảnh):.....
6. Đã cài đặt phần mềm trên máy chủ, máy trạm và thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:
- ...

hải được trang bị 01 chiếc kéo dành cho CBCT để cắt túi đề thi.
ó thí sinh chỉ dự thi môn thi thành phần thứ nhất và/hoặc thứ hai
huẩn bị túi phụ chứa bài thi, nhãn niêm phong và dụng cụ cần thiết
phong phiếu TLTN của các thí sinh này ngay sau khi thu bài thi.

BỘ GIÁO DỤC

ụng Phiếu trả lời trắc nghiệm (Phiếu TLTN):

CÁC MINH C
TƯỢNG TRO

(Kè

i đóng trong các túi đựng Phiếu TLTN được giữ nguyên niêm
hí sinh tại phòng thi.

g thi tổ chức đóng gói, niêm phong các túi đựng Phiếu TLTN đến
ng đủ cho số thí sinh trong phòng thi, ghi rõ số lượng phiếu, tên
ngoài túi; đồng thời, đóng gói, niêm phong các túi Phiếu TLTN
dự phòng cho mỗi Điểm thi, ghi rõ tên túi Phiếu TLTN dự phòng,

TT	Quy ch
I	**Ưu tiên khu vực**
I.1	Theo khu vực củ
I.2	Học sinh có nơi t THPT hoặc trung vực III và các xã vùng dân tộc và trưởng, Chủ nhiệ Chính phủ; các ngang ven biển khăn, xã biên giớ của Chương trình TTg ngày 31/7/1 các thôn, xã đặc quy định của Th THPT (hoặc trun thị xã, thành phố các xã thuộc di khoản 1, Điều 7
II	**Ưu tiên đối tượ** hiện hành)
II.1	Đối tượng 01: Cô thiểu số có nơi th hoặc trung cấp trê
II.2	Đối tượng 02: Có việc liên tục 5 n năm là chiến sĩ t nhận và cấp bằng
II.3	Đối tượng 03: a) Thương binh, nhận người được b) Quân nhân; sĩ trong Công an nh thời gian phục vụ c) Quân nhân; sĩ

[1] Các minh chứng khác

phần (đề thi được xếp trong từng bì/túi đề thi theo thứ tự tăng dần
i đề thi của môn thi thành phần được đóng gói vào 01 bì/túi chung,
ôn thi thành phần của bài thi tổ hợp (KHTN hoặc KHXH), ngày
hi.

thi ở Điểm thi phải có đề thi dự phòng cho ít nhất 01 phòng thi
với đề thi trắc nghiệm phải có đủ tất cả các mã đề thi cho mỗi
rong các bì riêng biệt rồi được đóng chung trong 01 bì/túi ghi rõ
phòng" và điền đầy đủ các thông tin về bài thi, ngày thi, buổi thi.
đề thi từng bài thi/môn thi, Trưởng ban In sao đề thi quản lý các
ản in thừa, in hỏng, mờ, xấu, rách, bẩn đã bị loại.

áp cụ thể để phân biệt bì/túi đề thi của các bài thi/môn thi khác
của các môn khác nhau có màu khác nhau hoặc dùng dây buộc và
hau.

, phải bố trí đủ phòng chờ cho thí sinh chỉ thi môn thi thành phần
của bài thi tổ hợp và bố trí ít nhất một CBCT hoặc CBGS cho mỗi
hí sinh trong phòng. Người làm nhiệm vụ tại phòng chờ nhắc thí
ờ tại các phòng thi theo đúng Giấy báo dự thi.

của những người tham gia công tác coi thi và quản lý thiết bị thu

người tham gia công tác coi thi (Trưởng Điểm thi, Phó Trưởng
bộ coi thi): Hội đồng thi yêu cầu các Trưởng Điểm thi lập danh
lục VII. Tại buổi tập trung làm thủ tục và phổ biến quy chế thi,
đăng ký mẫu chữ ký; photocopy thêm 02 bộ mẫu chữ ký, được
i mỗi túi ghi rõ bản gốc/bản photocopy. Mỗi bộ mẫu chữ ký được
ại Điểm thi và bàn giao cho Ban Thư ký Hội đồng thi. Ban Thư ký
n gốc cho Chủ tịch Hội đồng thi lưu; bàn giao bản photocopy cho
r luận và Ban Chấm thi trắc nghiệm khi bàn giao các túi bài thi.

chịu trách nhiệm tổ chức thu thiết bị thu, phát thông tin của những
iệm vụ tại Điểm thi ngay trước mỗi buổi thi và chịu trách nhiệm
ết bị này trong suốt thời gian diễn ra buổi thi với sự phối hợp bảo
công an.

TT	Quy chế tuyển sinh hiện hành	Minh chứng/cách thực hiện
	trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên; d) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định.	Lệnh gọi nhập ngũ hoặc Công an đơn vị, địa phương nơi sơ tuyển xác nhận. d) Quyết định xuất ngũ.
II.4	Đối tượng 04: a) Thân nhân liệt sĩ;	a) Giấy khai sinh của thí sinh, và Giấy báo tử hoặc Bản sao Bằng "Tổ quốc ghi công"; Bản khai tình hình thân nhân liệt sĩ (Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định 131/2021/NĐ-CP); Quyết định cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ và trợ cấp tiền tuất của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (nếu có).
	b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;	b) Giấy khai sinh của thí sinh, và Giấy chứng nhận thương binh do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định; hoặc Giấy chứng nhận được hưởng chính sách như thương binh có tỉ lệ mất sức lao động 81% trở lên do Phòng Lao động thương binh xã hội cấp.
	c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên;	c) Giấy khai sinh của thí sinh, và Giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định hoặc Giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp.
	d) Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến;	d) Giấy khai sinh của thí sinh, và Quyết định công nhận Anh hùng lực lượng vũ trang hoặc Quyết định công nhận Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến.
	đ) Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.	đ) Giấy khai sinh của thí sinh, và Quyết định trợ cấp hàng tháng (do sở LĐ TBXH cấp) của con người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học.
II.5	Đối tượng 05: a) Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 12 tháng ở Khu vực 1 và dưới 18 tháng ở khu vực khác;	a) Giấy xác nhận của đơn vị cử đi học. b) Giấy xác nhận của đơn vị cử đi học từ cấp Trung đoàn (hoặc tương đương trở lên) trở lên hoặc bản sao Lệnh gọi nhập ngũ hoặc Công an đơn vị, địa phương nơi sơ tuyển xác nhận.
	c) Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng Dân quân tự vệ nòng cốt, Dân quân tự vệ đã	c) Văn bản bổ nhiệm và Quyết định xuất ngũ.

TT	Quy chế tuyển sinh hiện hành	Minh chứng/cách thực hiện
	hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nòng cốt từ 12 tháng trở lên, dự thi vào ngành Quân sự cơ sở. Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày ĐKXT.	
II.6	Đối tượng 06: a) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%.	a) Giấy khai sinh hoặc quyết định xác định lại dân tộc của cấp có thẩm quyền. b) Giấy khai sinh của thí sinh, và Giấy chứng nhận thương binh do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định hoặc Giấy chứng nhận bệnh binh do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định hoặc Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp. c) Giấy khai sinh của thí sinh, và Giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học do cơ quan có thẩm quyền của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an cấp hoặc Giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp.
II.7	Đối tượng 07: a) Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Tài chính và Bộ GDĐT quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện; b) Người lao động ưu tú thuộc tất cả thành phần kinh tế từ cấp tỉnh, cấp bộ trở lên được công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; c) Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào các ngành đào tạo giáo viên; d) Y tá, dược tá, hộ lý, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên, người có bằng trung cấp Dược đã công tác đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào đúng ngành tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe.	a) Giấy xác nhận "Khuyết tật nặng" của UBND xã/phường/thị trấn nơi thí sinh thường trú cấp. b) Bản sao danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân cấp tỉnh, cấp bộ trở lên; hoặc Bằng lao động sáng tạo (có quyết định kèm theo). c) Giấy xác nhận của đơn vị quản lý về thời gian làm việc và hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng. d) Bản sao văn bằng trung cấp Dược; Giấy xác nhận của đơn vị quản lý về thời gian làm việc và hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng.